

BẢN MÔ TẢ

Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non
(ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CDKT ngày 19/9/2023
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum)

Tên chương trình: Giáo dục Mầm non (Pre - School Education).

Trình độ đào tạo : Cao đẳng

Ngành đào tạo : Giáo dục Mầm non

Mã ngành : 51140201

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1.1. Tên gọi của văn bằng: Cao đẳng Giáo dục Mầm non.

1.2. Phương thức tổ chức đào tạo: Tích lũy tín chỉ.

1.3. Thời gian đào tạo: 3 năm.

1.4. Khối lượng kiến thức toàn khoá (tính bằng số tín chỉ): 90 tín chỉ (chưa tính số tín chỉ của học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh, Giáo dục thể chất).

1.5. Đối tượng tuyển sinh: Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương.

1.6. Phương thức tuyển sinh: Kết hợp giữa thi tuyển môn năng khiếu với xét tuyển.

1.7. Quy trình đào tạo: Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non theo phương thức tích lũy tín chỉ do Hiệu trưởng nhà trường ban hành.

1.8. Điều kiện tốt nghiệp

Kết thúc khoá học, người học được xét và công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng học tập quy định cho chương trình đào tạo.

- Có điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên theo thang điểm 4,00.

- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định.
- Đáp ứng một số yêu cầu về kết quả học tập đối với học phần thuộc chương trình đào tạo và các điều kiện khác do Hiệu trưởng nhà trường quy định.
- Không trong thời gian: Bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, tính đến thời điểm xét tốt nghiệp.
- Có đơn gửi Trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được Hiệu trưởng nhà trường tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

1.9. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Giáo viên tại các trường mẫu giáo, trường mầm non công lập, dân lập, tư thục và các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, nhóm, lớp mầm non độc lập tư thục, dân lập.
- Quản lý nhóm/lớp mầm non. Quản lý trường mầm non/chủ nhóm lớp (sau khi học lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý và đảm bảo các điều kiện theo quy định).
- Tư vấn viên, nghiên cứu viên về chuyên môn, nghiệp vụ Giáo dục Mầm non tại các tổ chức, đoàn thể liên quan đến công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

1.10. Khả năng học tập nâng cao trình độ

- Có năng lực tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn nghề nghiệp.
- Đủ điều kiện liên thông lên đại học ngành Giáo dục Mầm non.
- Học văn bằng 2 các chuyên ngành có liên quan.
- Học sau đại học ngành Giáo dục Mầm non hoặc Quản lý Giáo dục sau khi đã hoàn thành Đại học ngành Giáo dục Mầm non hoặc các ngành có liên quan.

1.11. Thời gian cập nhật: 9/2023 (áp dụng cho các khóa đào tạo từ năm học 2023-2024 trở đi).

2. Mục tiêu Chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non được xây dựng nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu đổi mới của

giáo dục mầm non thời kỳ hội nhập toàn cầu. Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức nền tảng, kiến thức ngành, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất nghề nghiệp và sức khỏe đáp ứng yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non để thực hiện công việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non; sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và tiếng Anh trong công việc; có khả năng tự bồi dưỡng, có tư duy độc lập, sáng tạo, chủ động, thích ứng với sự phát triển của giáo dục mầm non; có khả năng học tập ở cấp học cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Kiến thức

- PO1: Trình bày và ứng dụng được hệ thống kiến thức chung về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

- PO2: Trình bày được kiến thức khoa học cơ bản, làm cơ sở tiếp thu kiến thức chuyên ngành và ứng dụng được vào tổ chức các hoạt động ở các cơ sở giáo dục mầm non.

- PO3: Ứng dụng được các kiến thức chuyên ngành vào việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non, phân tích và đánh giá được chương trình, hoạt động Giáo dục Mầm non.

2.2.2. Kỹ năng

- PO4: Nhận thức và tư duy sáng tạo trong lập kế hoạch, tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và đánh giá sự phát triển của trẻ.

- PO5: Tổ chức được các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non; phát triển và tổ chức thực hiện được chương trình Giáo dục Mầm non; kỹ năng truyền đạt.

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PO6: Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm; hướng dẫn người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; tự đánh giá và đánh giá chất lượng thực hiện công việc của đồng nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

3.1. Kiến thức

3.1.1. Khối kiến thức chung

PLO 01: Trình bày và ứng dụng được những kiến thức chung về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu công

việc của giáo viên mầm non và thực tiễn cuộc sống.

3.1.2. Khối kiến thức cơ bản

PLO 02: Trình bày được kiến thức khoa học cơ bản, làm cơ sở tiếp thu kiến thức chuyên ngành; ứng dụng được những kiến thức khoa học cơ bản cần thiết vào việc hình thành năng lực chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất nghề nghiệp của giáo viên mầm non.

3.1.3. Khối kiến thức chuyên ngành

- PLO 03: Ứng dụng được các kiến thức chuyên ngành và cập nhật những thành tựu mới của giáo dục mầm non vào thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

+ Ứng dụng được những kiến thức về: Sự phát triển thể chất trẻ em; sự học và phát triển tâm lý trẻ em; giáo dục học mầm non; vệ sinh - dinh dưỡng cho trẻ mầm non; phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non; lý luận và phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ mầm non; giáo dục hòa nhập vào thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ;

+ Ứng dụng được một số kiến thức trong những kiến thức chuyên ngành (tự chọn): Giáo dục về song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ cho trẻ mầm non dân tộc thiểu số; văn học thiếu nhi và đọc diễn cảm; giáo dục gia đình; những phương pháp giáo dục tích cực trong giáo dục mầm non; đánh giá trong giáo dục mầm non; phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và sáng kiến; ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học mầm non; dạy Toán cho trẻ mầm non theo phương pháp Montessori; tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non người dân tộc thiểu số; tích hợp sử dụng âm nhạc vào hoạt động thể dục sáng cho trẻ mầm non, phát triển và tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục Mầm non; nghề giáo viên mầm non; quản lý giáo dục mầm non; phương pháp giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ mầm non vào thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở các cơ sở giáo dục mầm non;

+ Phân tích, đánh giá được chương trình và các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục mầm non trên cơ sở tích lũy các khối kiến thức trên.

- PLO 04: Trình bày được kiến thức công nghệ thông tin cơ bản, ứng dụng được kiến thức về công nghệ thông tin trong thiết kế và tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

3.2. Kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng cứng

- PLO 05: Kỹ năng nhận thức và tư duy sáng tạo.

+ Phát hiện, phân tích và giải quyết được vấn đề trong quá trình tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ;

+ Quan sát, đánh giá được sự phát triển của trẻ và sử dụng kết quả đánh giá trong thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

- PLO 06: Kỹ năng thực hành nghề nghiệp giáo viên Mầm non.

+ Tổ chức được các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe: Đảm bảo vệ sinh môi trường lớp học, tổ chức thực hiện các hoạt động vệ sinh, dinh dưỡng và chăm sóc trẻ hàng ngày; ứng dụng được kiến thức về bệnh học và đảm bảo an toàn cho trẻ để phòng tránh, chăm sóc ban đầu một số bệnh, tai nạn thương tích thường gặp ở trẻ; hướng dẫn trẻ bước đầu biết cách tự chăm sóc và đảm bảo an toàn cho bản thân;

+ Tổ chức được các hoạt động giáo dục: Xây dựng và sử dụng môi trường giáo dục; lựa chọn nội dung, thiết kế các hoạt động, sử dụng phối hợp các phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục theo quan điểm “Giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”; quản lý trẻ, quản lý nhóm, lớp có hiệu quả;

+ Phát triển và tổ chức thực hiện được chương trình Giáo dục Mầm non.

3.2.1. Kỹ năng mềm

- PLO 07: Kỹ năng truyền đạt.

+ Sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ phù hợp trong giao tiếp với các đối tượng khác nhau;

+ Quản lý được cảm xúc của bản thân, ứng xử một cách thân thiện và tôn trọng sự khác biệt của trẻ, phụ huynh và đồng nghiệp;

+ Thiết lập và duy trì được mối quan hệ hợp tác tích cực với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp.

- PLO 08: Sử dụng ngoại ngữ

Sử dụng ngoại ngữ bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam, có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong một số nhiệm vụ cụ thể được giao.

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- PLO 09: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi

+ Tuân thủ các quy định và rèn luyện đạo đức nhà giáo; yêu nghề, mến trẻ;

chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ đồng nghiệp trong rèn luyện đạo đức và xây dựng phong cách nhà giáo;

+ Có ý thức chủ động làm việc độc lập và hợp tác làm việc theo nhóm trong môi trường giáo dục mầm non hiện đại;

+ Thường xuyên cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm, linh hoạt, năng động, sáng tạo, thích ứng để giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

- PLO 10: Hướng dẫn, hỗ trợ những người khác thực hiện nhiệm vụ; xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

+ Hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp và phụ huynh trong thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ;

+ Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

- PLO 11: Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm

+ Tự đánh giá chất lượng thực hiện công việc để hoàn thiện, phát triển bản thân;

+ Đánh giá chất lượng thực hiện công việc của đồng nghiệp.

4. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và mục tiêu chương trình đào tạo

Mục tiêu Chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo										
	PLO 01	PLO 02	PLO 03	PLO 04	PLO 05	PLO 06	PLO 07	PLO 08	PLO 09	PLO 10	PLO 11
PO1	X										
PO2		X									
PO3			X	X							
PO4					X						
PO5						X	X	X			

Mục tiêu Chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo										
	PLO 01	PLO 02	PLO 03	PLO 04	PLO 05	PLO 06	PLO 07	PLO 08	PLO 09	PLO 10	PLO 11
PO6									X	X	X

5. Ma trận quan hệ giữa các học phần và Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

STT	Mã học phần ¹	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo PLOs											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
I	Khối kiến thức, kỹ năng chung													
1	61048003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2				2		2		2			2
2	61043001	Giáo dục thể chất	2				2		2		2			2
3	61012001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2 4				2		2		2			2
4	61012002	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	2 4				2		2		2			2
5	61012003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 4				2		2		2			2
6	61012004	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	2 4				2		2		2			2

¹ Cấu trúc mã học phần thực hiện theo nguyên tắc gắn mã môn học quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Quyết định số 1370/QĐ-CĐCĐ ngày 28/10/2021 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành Quy định mã lớp học và học phần/môn học/mô đun. Trong đó hình thức đào tạo quy định X₂: 1 - Chính quy; 2 - Liên thông chính quy; 3 - Vừa làm vừa học và 4 - Liên thông vừa làm vừa học.

STT	Mã học phần ¹	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo PLOs										
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
7	61282093	Tiếng Anh 1	3							3	2		3
8	61282094	Tiếng Anh 2	3							3	2		3
9	61282095	Tiếng Anh nâng cao	3							3	2		3
10	61272001	Tin học	1	3	3	4		4	2		3	2	3
11	61082040	Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo	2	2	3		2	2			3	3	2
II	Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản												
12	61082002	Tâm lý học đại cương	3	3	4		2	3	3		3	3	2
13	61082003	Giáo dục học đại cương	3	3	4		2	3	3		3	3	2
14	61073002	Âm nhạc	2	2					2		3		2
15	61073026	Mĩ thuật		2 3	2		2 3		2		3		2
16	61092001	Múa dân gian cơ bản		2	3		1	2	3		3		2
17	61062001	Tiếng Việt thực hành	3	3					3		3		2
18	61072003	Đàn phím điện tử	2	2					3		3		2
III	Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành												
19	61052002	Sự phát triển thể chất trẻ em			3		2	2			2	2	2
20	61082037	Sự học và phát triển tâm lý trẻ mầm non	2	3	3		3	2	4		3	2	3

STT	Mã học phần ¹	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo PLOs										
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
21	61082007	Giáo dục học mầm non	2	3	3		2	3	2		3	3	4
22	61092010	Vệ sinh - dinh dưỡng cho trẻ mầm non			3		4	4	4		3	3	3
23	61092024	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non			3		3	4	4		3	3	3
24	61092002	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi			3		4	4	4		3	3	3
25	61093003	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình			3		4	4	4		3	3	3
26	61093004	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc	2	2	3	3	3	4			3	3	3
27	61093005	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ	2	2	3	3	3	4	3		3	3	3
28	61093006	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động làm quen văn học			3		4	4	4		3	3	3
29	61093007	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với toán			3		4	4	4		3	3	3
30	61093008	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động khám phá khoa học về môi			3		4	4	4		3	3	3

STT	Mã học phần ¹	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo PLOs												
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		
		trường xung quanh													
31	61093009	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển vận động.		2	3	3	3	4	3			3	4	3	
32	61092026	Giáo dục hòa nhập	2	2	3	3	3	3	3			3	4	3	
Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn A (Chọn 1 học phần)															
33	61092033	Giáo dục về song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ cho trẻ mầm non dân tộc thiểu số	1	2	3			3	3			3	2	2	
34	61062002	Văn học thiếu nhi và đọc diễn cảm	2	3			3		3			3		2	
35	61012007	Giáo dục gia đình	2 4				2		2			2	2	2	
36	61092034	Những Phương pháp giáo dục tích cực trong giáo dục mầm non	3	3	3	3	4	4	3	2		3	3	4	
Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn B (Chọn 1 học phần)															
37	61092015	Đánh giá trong giáo dục mầm non	2	3	4	3	4	4	4	2		4	3	3	
38	61082039	Phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và sáng kiến		2	3		3		4			3		4	

STT	Mã học phần ¹	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo PLOs										
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
39	61272905	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	1	3	3	4		4	2		3	2	4
40	61082004	Kỹ năng giao tiếp	2		3		2		4		3	3	4
Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn C (Chọn 1 chuyên đề)													
41	61092035	Chuyên đề: Dạy Toán cho trẻ mầm non theo phương pháp Montessori			3		4	4	4		3	3	3
42	61092036	Chuyên đề: Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non người dân tộc thiểu số.	3	3	3	3	2	4	4		3	3	3
43	61092037	Chuyên đề: Tích hợp sử dụng âm nhạc vào hoạt động thể dục sáng cho trẻ mầm non	2	2	3	4	3	4			3	3	3
Thực hành, kiến tập, thực tập sư phạm													
44	61082038	Thực hành sư phạm 1	3	3	3		2	3	3		3	3	4
45	61092018	Thực hành sư phạm 2	2	3	4	3	4	4	3		4	3	4
46	61092038	Kiến tập sư phạm			3		4	4	4		3	3	3
47	61094021	Thực tập tốt nghiệp			3		4	4	4		3	3	3
	61095022	Khóa luận tốt nghiệp			3		4	3	3		3	4	3

STT	Mã học phần ¹	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo PLOs											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
	Hoặc:													
	Học phần thay thế 1													
48	61093012	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	2	2	3	3	3	4				3	3	3
49	61092016	Nghề giáo viên mầm non			3		4	4	4			3	3	3
	Học phần thay thế 2													
50	61092014	Quản lý giáo dục mầm non			3		4	4	4			3	3	3
51	61093030	Phương pháp giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ mầm non.	2	2	3	3	4	4				3	3	3

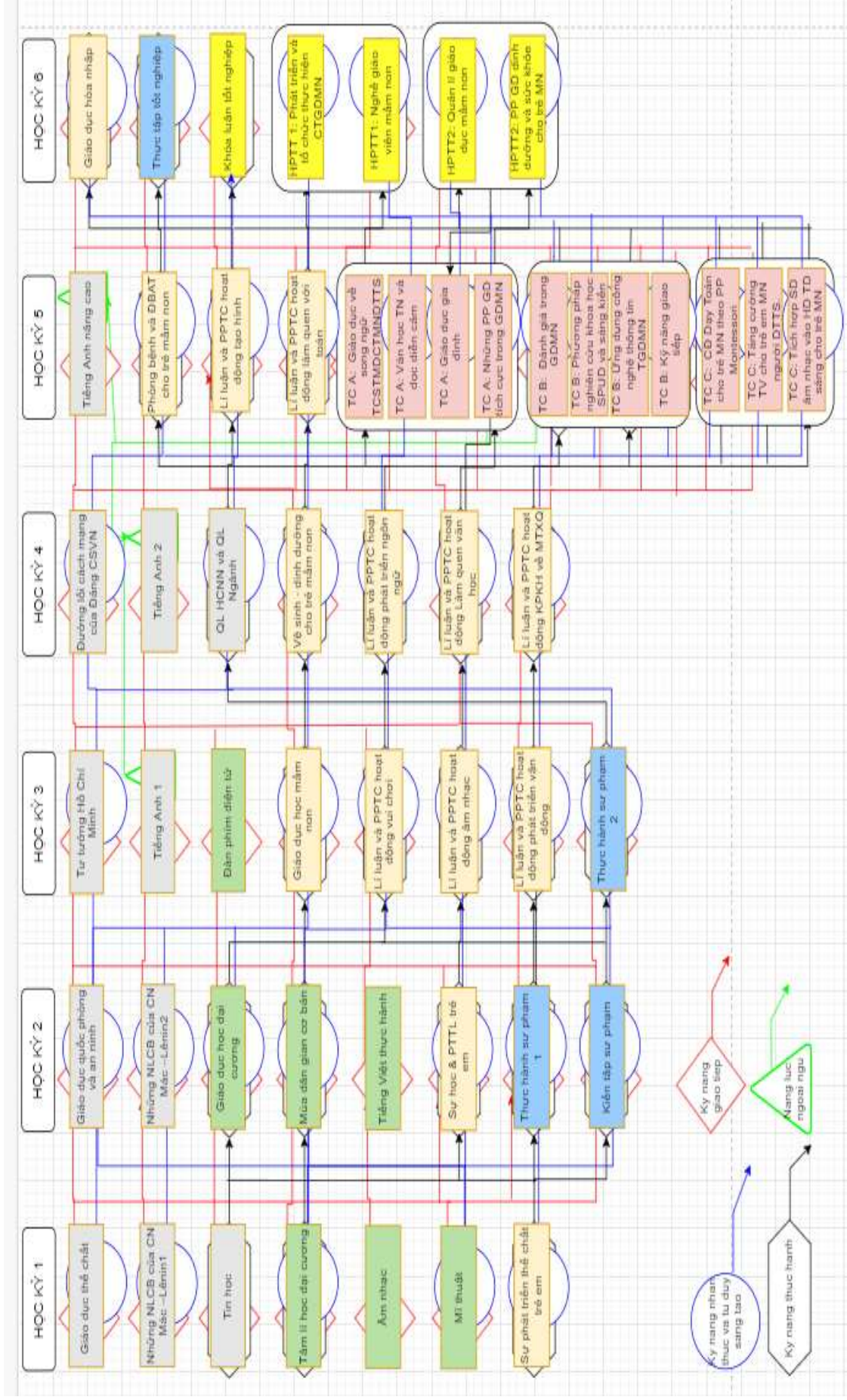
Ghi chú:

- Các mức độ (cấp độ) kiến thức (từ PLO 01 đến PLO 04): 1. Biết, 2. Thông hiểu, 3. Vận dụng, 4. Phân tích, 5. Tổng hợp, 6. Đánh giá (theo thang Bloom cải tiến).

- Các mức độ (cấp độ) kỹ năng (từ PLO 05 đến PLO 08): 1. Nhận biết, thiết lập, 2. Làm theo hướng dẫn, 3. Tự làm đúng, 4. Thành thạo, 5. Thích ứng, 6. Sáng chế (theo thang Simpson).

- Các mức độ (cấp độ) năng lực tự chủ và trách nhiệm (từ PLO 09 đến PLO 11): 1. Tiếp nhận, 2. Phản hồi, 3. Đánh giá, 4. Tổ chức, 5. Ứng xử (theo thang Krathwohl).

6. Ma trận kỹ năng



7. Nội dung Chương trình

7.1. Tên và khối lượng các khối kiến thức

TT	Nội dung	Số học phần	Số tín chỉ
7.1.1	I. Khối kiến thức, kỹ năng chung (chưa kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh)	09 HP	18 TC
7.1.2	II. Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản	7 HP	16 TC
7.1.3	III. Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành	33 HP	56 TC
	- Kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành	14 HP	35 TC
	- Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn A (Chọn 1 học phần)	04 HP	02 TC
	- Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn B (Chọn 1 học phần)	04 HP	02 TC
	- Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn C (Chọn 1 học phần)	03 HP	02 TC
	- Kiến tập, thực tập sư phạm,	04 HP	10 TC
	- Khóa luận tốt nghiệp (hoặc chọn 2 HP)	04 HP	05 TC
Tổng số học phần, tín chỉ toàn khóa (chưa kể Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh)		51 HP	90 TC

Khối kiến thức, kỹ năng chung (29 tín chỉ): Bao gồm các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh; Giáo dục thể chất; Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác –Lênin 1; Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác –Lênin 2; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Tiếng Anh 1; Tiếng Anh 2; Tiếng Anh nâng cao; Tin học; Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo, nhằm mục tiêu cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản phục vụ hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu công việc của giáo viên mầm non và thực tiễn cuộc sống.

Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản (16 tín chỉ): Bao gồm các học phần Tâm lý học đại cương; Giáo dục học đại cương; Âm nhạc; Mỹ thuật; Múa dân gian cơ

bản; Tiếng Việt thực hành; Đàn phím điện tử, nhằm mục tiêu cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng cần thiết cho việc hình thành năng lực chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất nghề nghiệp của giáo viên mầm non.

Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành (35 tín chỉ): Bao gồm các học phần Sự phát triển thể chất trẻ em; Sự học và phát triển tâm lý trẻ mầm non; Giáo dục học mầm non; Vệ sinh - dinh dưỡng cho trẻ mầm non; Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non; Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi; Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình; Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc; Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ; Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động làm quen văn học; Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với toán; Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động khám phá khoa học về môi trường xung quanh; Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển vận động; Giáo dục hòa nhập, với mục tiêu giúp hình thành kỹ năng chuyên sâu cho sinh viên để sinh viên có khả năng vận dụng có hiệu quả vào thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở các cơ sở giáo dục mầm non.

Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn (6 tín chỉ): Bao gồm các học phần Giáo dục về song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ cho trẻ mầm non Dân tộc thiểu số; Văn học thiếu nhi và đọc diễn cảm; Giáo dục gia đình; Những phương pháp giáo dục tích cực trong giáo dục mầm non; Đánh giá trong giáo dục mầm non; Phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và sáng kiến, Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non; Kỹ năng giao tiếp; Chuyên đề: Dạy Toán cho trẻ mầm non theo phương pháp Montessori; Chuyên đề: Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non người dân tộc thiểu số; chuyên đề: Tích hợp sử dụng âm nhạc vào hoạt động thể dục sáng cho trẻ mầm non, mang đến cho sinh viên cơ hội nâng cao những kiến thức, kỹ năng đã có, bổ trợ thêm kiến thức, kỹ năng để sinh viên có thể thích ứng với môi trường làm việc năng động và hiện đại.

Thực hành, kiến tập, thực tập sư phạm (10 tín chỉ): Đây là nội dung quan trọng nhất của chương trình đào tạo và thể hiện rõ ràng mức độ mà sinh viên đạt được hầu hết các chuẩn đầu ra quan trọng của chương trình đào tạo. Để có thể tốt nghiệp, sinh viên phải hoàn tất các học phần bắt buộc và tự chọn trong chương trình, đồng thời hoàn thành nội dung kiến tập, thực tập sư phạm tại các cơ sở giáo dục mầm non và được Ban chỉ đạo, giáo viên mầm non tại cơ sở giáo dục mầm non hướng dẫn thực hiện các công việc theo quy định của đợt thực tập, kiến tập về giáo dục nghề nghiệp.

Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế tốt nghiệp (5 tín chỉ): Đây

cũng là một nội dung quan trọng trong chương trình đào tạo. Để được công nhận tốt nghiệp sinh viên phải hoàn thiện Khoá luận tốt nghiệp và bảo vệ trước hội đồng hoặc chọn học và thi hết môn hai học phần thay thế thi tốt nghiệp gồm học phần thay thế 1: Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non, Nghề giáo viên mầm non; học phần thay thế 2: Phương pháp giáo dục dinh dưỡng và sức khoẻ cho trẻ mầm non, Quản lý giáo dục mầm non.

Các khối kiến thức, kỹ năng được thiết kế sao cho nội dung đáp ứng được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

7.2. Khung Chương trình đào tạo

TT	Mã học phần ²	Khối kiến thức /tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ	Số giờ lên lớp			Học phần tiên quyết
					LT	TL/TH/TN	TT	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Khối kiến thức, kỹ năng chung		18 (29)		195	120	0	
1	61048003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	8	2	90	75		Không
2	61043001	Giáo dục thể chất	3	1		90		Không
3	61012001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	1	25	5		Không
4	61012002	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	2	2	25	5		61012001

² Cấu trúc mã học phần thực hiện theo nguyên tắc gắn mã môn học quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Quyết định số 1370/QĐ-CĐGD ngày 28/10/2021 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành Quy định mã lớp học và học phần/môn học/mô đun. Trong đó hình thức đào tạo quy định X2: 1 - Chính quy ; 2 - Liên thông chính quy; 3 - Vừa làm vừa học và 4 - Liên thông vừa làm vừa học.

TT	Mã học phần ²	Khối kiến thức /tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ	Số giờ lên lớp			Học phần tiên quyết
					LT	TL/TH/TN	TT	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
5	61012003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3	25	5		61012002
6	61012004	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	4	15	30		61012003
7	61282093	Tiếng Anh 1	2	3	25	5		Không
8	61282094	Tiếng Anh 2	2	4	25	5		61283093
9	61282095	Tiếng Anh nâng cao	2	5	15	30		61282094
10	61272001	Tin học	2	1	15	30		Không
11	61082040	Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo	2	4	25	5		Không
II	Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản		16		155	160	0	
12	61082002	Tâm lý học đại cương	2	1	25	5		Không
13	61082003	Giáo dục học đại cương	2	2	25	5		61082002
14	61073002	Âm nhạc	3	1	30	30		Không

TT	Mã học phần ²	Khối kiến thức /tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ	Số giờ lên lớp			Học phần tiên quyết
					LT	TL/TH/TN	TT	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
15	61073026	Mỹ thuật	3	1	30	30		Không
16	61092001	Múa dân gian cơ bản	2	2	15	30		61073002
17	61062001	Tiếng Việt thực hành	2	2	15	30		Không
18	61072003	Đàn phím điện tử	2	3	15	30		61073002
III	Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành		35		355	320	0	
19	61052002	Sự phát triển thể chất trẻ em	2	1	25	5		Không
20	61082037	Sự học và phát triển tâm lý trẻ mầm non	2	2	15	30		61082002
21	61082007	Giáo dục học mầm non	2	3	25	5		61082003
22	61092010	Vệ sinh - dinh dưỡng cho trẻ mầm non	2	4	15	30		61052002
23	61092024	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	2	5	25	5		61092010
24	61092002	Lý luận và	2	3	15	30		61082037

TT	Mã học phần ²	Khối kiến thức /tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ	Số giờ lên lớp			Học phần tiên quyết
					LT	TL/TH/TN	TT	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
		phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi						
25	61093003	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình	3	5	30	30		61073026
26	61093004	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc	3	3	30	30		61073002
								61092001
27	61093005	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ	3	4	30	30		61062001
28	61093006	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động làm quen văn học	3	4	30	30		61082037 61082007
29	61093007	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với toán	3	5	30	30		61082037 61082007

TT	Mã học phần ²	Khối kiến thức /tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ	Số giờ lên lớp			Học phần tiên quyết
					LT	TL/TH/TN	TT	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
30	61093008	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động khám phá khoa học về môi trường xung quanh	3	4	30	30		61082037 61082007
31	61093009	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển vận động	3	3	30	30		61052002
32	61092026	Giáo dục hòa nhập	2	6	25	5		61082007 61082037
	Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn A (Chọn 1 HP)		2		25	5		
33	61092033	Giáo dục về song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ cho trẻ mầm non Dân tộc thiểu số	2	5	25	5		61082007 61082037
34	61062002	Văn học thiếu nhi và đọc diễn cảm	2	5	25	5		Không
35	61012007	Giáo dục gia đình	2	5	25	5		Không

TT	Mã học phần ²	Khối kiến thức /tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ	Số giờ lên lớp			Học phần tiên quyết
					LT	TL/TH/TN	TT	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
36	61092034	Những phương pháp giáo dục tích cực trong giáo dục mầm non	2	5	25	5		61082007 61082037
Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn B (Chọn 1 HP)			2		15	30		
37	61092015	Đánh giá trong giáo dục mầm non	2	5	15	30		61082007 61082037
38	61082039	Phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và sáng kiến	2	5	15	30		Không
39	61272905	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	2	5	15	30		61272001
40	61082004	Kỹ năng giao tiếp	2	5	15	30		Không
Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn C (Chọn 1 Chuyên đề)			2		25	5		
41	61092035	Chuyên đề: Dạy Toán cho	2	5	25	5		61082007 61082037

TT	Mã học phần ²	Khối kiến thức /tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ	Số giờ lên lớp			Học phần tiên quyết
					LT	TL/TH/TN	TT	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
		trẻ mầm non theo phương pháp Montessori						
42	61092036	Chuyên đề: Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non người dân tộc thiểu số	2	5	25	5		61062001
43	61092037	Chuyên đề: Tích hợp âm nhạc vào hoạt động thể dục sáng cho trẻ mầm non	2	5	25	5		61093009 61093004
	Thực hành, kiến tập, thực tập sư phạm		10		0	120	270	
44	61082038	Thực hành sư phạm 1	2	2		60		Không
45	61092018	Thực hành sư phạm 2	2	3		60		61082038
46	61092038	Kiến tập sư phạm	2	2			90	Không
47	61094021	Thực tập tốt nghiệp	4	6			180	61092018 61092032

TT	Mã học phần ²	Khối kiến thức /tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ	Số giờ lên lớp			Học phần tiên quyết
					LT	TL/TH/TN	TT	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	61095022	Khoá luận tốt nghiệp	5	6	45	60		
	Hoặc:							
	Học phần thay thế 1							
48	61093012	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	3	6	30	30		61082007 61082037
49	61092016	Nghề giáo viên mầm non	2	6	15	30		61082007 61082037
	Học phần thay thế 2							
50	61092014	Quản Lý giáo dục mầm non	2	6	15	30		61082001
51	61093030	Phương pháp giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ mầm non.	3	6	30	30		61092010 61092024
Tổng số tín chỉ toàn khoá <i>(chưa tính Giáo dục quốc phòng và an ninh, Giáo dục thể chất)</i>			90		815	820	270	
Tổng số tín chỉ toàn khoá <i>(tính Giáo dục quốc phòng và an ninh, Giáo dục thể chất)</i>			101		905	985	270	

8. Kế hoạch giảng dạy

TT	Mã HP ³	Khối KT/tên HP	Số TC	Học kỳ					
				HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6
1	2	3	4						
I	Khối kiến thức, kỹ năng chung		18						
1	61048003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	8		8				
2	61043001	Giáo dục thể chất	3	3					
3	61012001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	2					
4	61012002	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	2		2				
5	61012003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2			
6	61012004	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	2				2		
7	61282093	Tiếng Anh 1	2			2			
8	61282094	Tiếng Anh 2	2				2		
9	61282095	Tiếng Anh nâng cao	2					2	
10	61272001	Tin học	2	2					
11	61082040	Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành	2				2		

³ Cấu trúc mã học phần thực hiện theo nguyên tắc gắn mã môn học quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Quyết định số 1370/QĐ-CĐCĐ ngày 28/10/2021 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành Quy định mã lớp học và học phần/môn học/mô đun. Trong đó hình thức đào tạo quy định X2: 1 - Chính quy ; 2 - Liên thông chính quy; 3 - Vừa làm vừa học và 4 - Liên thông vừa làm vừa học.

TT	Mã HP ³	Khối KT/tên HP	Số TC	Học kỳ					
				HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6
1	2	3	4						
		Giáo dục và Đào tạo							
II	Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản		16						
12	61082002	Tâm lý học đại cương	2	2					
13	61082003	Giáo dục học đại cương	2		2				
14	61073002	Âm nhạc	3	3					
15	61073026	Mĩ thuật	3	3					
16	61092001	Múa dân gian cơ bản	2		2				
17	61062001	Tiếng Việt thực hành	2		2				
18	61072003	Đàn phím điện tử	2			2			
III	Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành		35						
19	61052002	Sự phát triển thể chất trẻ em	2	2					
20	61082037	Sự học và phát triển tâm lý trẻ mầm non	2		2				
21	61082007	Giáo dục học mầm non	2			2			
22	61092010	Vệ sinh - dinh dưỡng cho trẻ mầm non	2				2		
23	61092024	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	2					2	
24	61092002	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động vui	2			2			

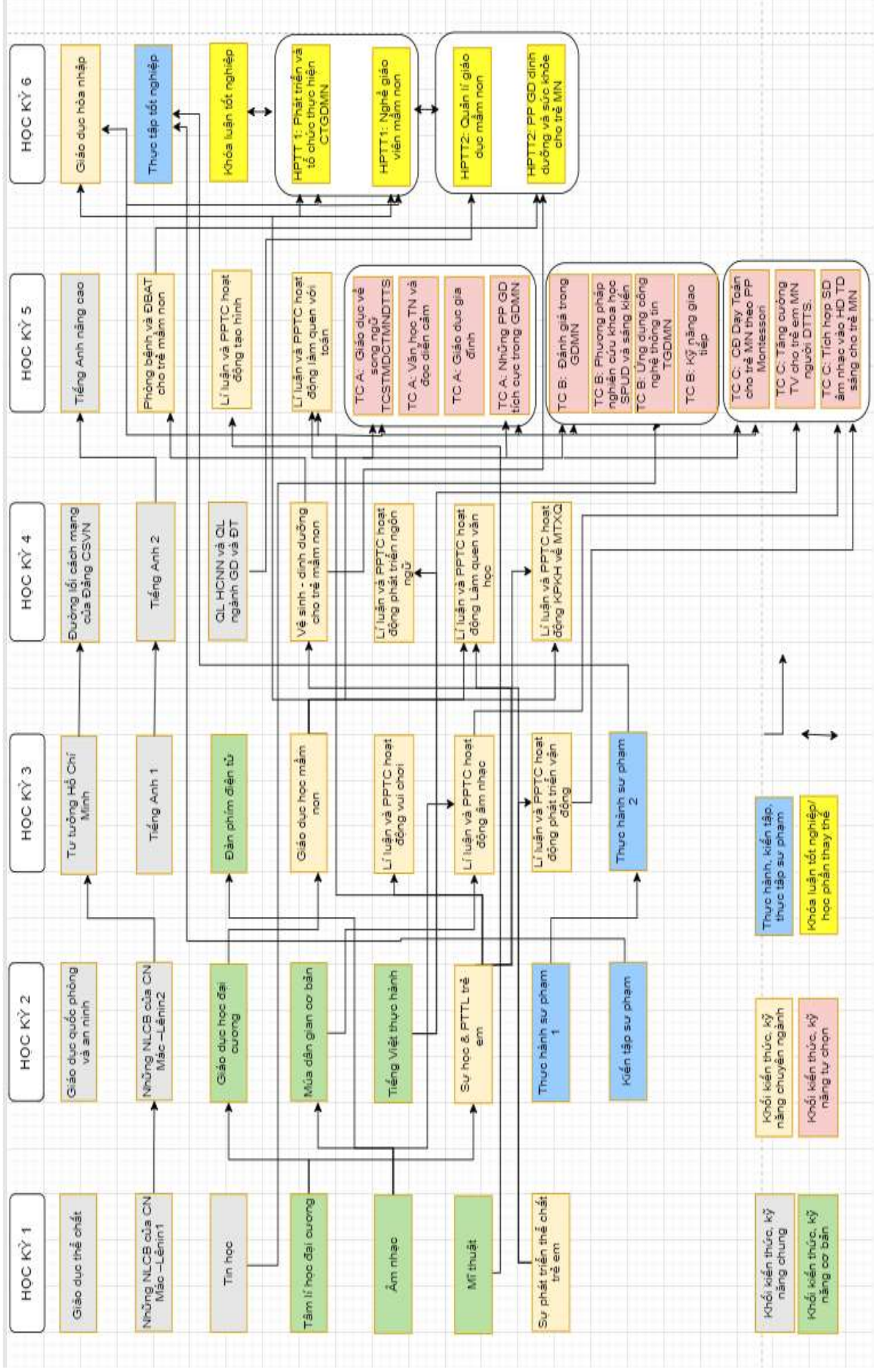
TT	Mã HP ³	Khối KT/tên HP	Số TC	Học kỳ					
				HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6
1	2	3	4						
		chơi							
25	61093003	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình	3					3	
26	61093004	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc	3			3			
27	61093005	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ	3				3		
28	61093006	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động làm quen văn học	3				3		
29	61093007	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với toán	3					3	
30	61093008	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động khám phá khoa học về môi trường xung quanh	3				3		
31	61093009	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển vận động	3			3			
32	61092026	Giáo dục hòa nhập	2						2

TT	Mã HP ³	Khối KT/tên HP	Số TC	Học kỳ					
				HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6
1	2	3	4						
	Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn A (Chọn 1 học phần)		2						
33	61092033	Giáo dục về song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ cho trẻ mầm non Dân tộc thiểu số	2					2	
34	61062002	Văn học thiếu nhi và đọc diễn cảm	2					2	
35	61012007	Giáo dục gia đình	2					2	
36	61092034	Những phương pháp giáo dục tích cực trong giáo dục mầm non	2					2	
	Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn B (Chọn 1 học phần)		2						
37	61092015	Đánh giá trong giáo dục mầm non	2					2	
38	61082039	Phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và sáng kiến	2					2	
39	61272905	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	2					2	
40	61082004	Kỹ năng giao tiếp	2					2	
	Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn C (Chọn 1 chuyên đề)		2						

TT	Mã HP ³	Khối KT/tên HP	Số TC	Học kỳ					
				HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6
1	2	3	4						
41	61092035	Chuyên đề: Dạy Toán cho trẻ mầm non theo phương pháp Montessori	2					2	
42	61092036	Chuyên đề: Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non người dân tộc thiểu số	2					2	
43	61092037	Chuyên đề: Tích hợp sử dụng âm nhạc vào hoạt động thể dục sáng cho trẻ mầm non	2					2	
Thực hành, kiến tập, thực tập sư phạm			10						
43	61082038	Thực hành sư phạm 1	2		2				
44	61092018	Thực hành sư phạm 2	2			2			
45	61092038	Kiến tập sư phạm	2		2				
46	61094021	Thực tập tốt nghiệp	4						4
47	61095022	Khóa luận tốt nghiệp	5						5
Hoặc:									
Học phần thay thế 1									
48	61093012	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	3						3

TT	Mã HP ³	Khối KT/tên HP	Số TC	Học kỳ					
				HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6
1	2	3	4						
49	61092016	Nghề giáo viên mầm non	2						2
	Học phần thay thế 2								
50	61092014	Quản lý giáo dục mầm non	2						2
51	61093030	Phương pháp giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ mầm non.	3						3
Tổng số tín chỉ toàn khoá (<i>chưa tính Giáo dục quốc phòng và an ninh, Giáo dục thể chất</i>)			90	14	14	18	17	16	11
Tổng số tín chỉ toàn khoá (<i>tính Giáo dục quốc phòng và an ninh, Giáo dục thể chất</i>)			101	17	22				

9. Kế hoạch học tập



10. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

I. KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CHUNG

1. Giáo dục quốc phòng và an ninh: 8TC (LT 90; TH: 75)

Học phần tiên quyết: Không

Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên cao đẳng sư phạm là môn học chính khóa.

Sinh viên có những hiểu biết ban đầu về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; về truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc, lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam; có kiến thức cơ bản, cần thiết về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.

Sinh viên có kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.

Nội dung học phần gồm 4 phần:

- Phần I: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam
- Phần II: Công tác quốc phòng và an ninh
- Phần III: Quân sự chung
- Phần IV: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật.

2. Giáo dục thể chất: 3 TC (TH: 90)

Học phần tiên quyết: Không

Giáo dục thể chất là học phần điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng. học phần bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

Nội dung Giáo dục thể chất tập trung chủ yếu 3 chuyên đề:

Chuyên đề Điền kinh: giới thiệu khái quát những nội dung cơ bản cho sinh viên về kỹ thuật chạy cự ly ngắn 80-100m, nhảy xa kiểu uốn thân, nhảy cao kiểu úp bụng, đẩy tạ vai hướng ném; giới thiệu một số điều luật cơ bản trong luật Điền

kinh.

Chuyên đề Bóng chuyền: trang bị cho người học tư thế chuẩn bị và di chuyển; kỹ thuật chuyền bóng, phát bóng, chắn bóng, đập bóng chính diện theo phương lấy đà; giới thiệu một số điều luật cơ bản bóng chuyền.

Chuyên đề Bóng rổ: trang bị cho người học tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng rổ; kỹ thuật dẫn bóng, khống chế bóng, chuyền bóng, ném rổ, khống chế và cản phá bóng; giới thiệu một số luật cơ bản thi đấu bóng rổ.

3. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1:

2TC (LT: 25; TH:5)

Học phần tiên quyết: Không

Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây là môn học đầu tiên của chương trình các môn Lý luận chính trị trong các trường đại học, cao đẳng. Học phần gồm 4 chương, trong đó: Chương mở đầu, giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác - Lênin (quá trình hình thành và phát triển của chủ nghĩa Mác - Lênin, các bộ phận lý luận cấu thành) và một số vấn đề chung của môn học (đối tượng, mục đích, yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu môn học). Chương 1 giới thiệu khái quát về chủ nghĩa duy vật và quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức. Chương 2 giới thiệu về phép biện chứng duy vật với hai nguyên lý, ba quy luật, sáu cặp phạm trù và lý luận nhận thức của phép biện chứng duy vật. Chương 3 khái quát quan điểm duy vật về lịch sử gồm các quy luật về sự vận động và phát triển của xã hội, về vai trò của con người và quần chúng nhân dân đối với sự vận động và phát triển của lịch sử.

4. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2:

2 TC (LT: 25; TH:5)

Học phần tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1.

Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2 cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản cơ bản về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Nội dung môn học được chia thành 2 phần:

Phần 1: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Phần 2: Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh**2TC (LT: 25; TH: 5)**

Học phần tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin
2

Học phần “Tư tưởng Hồ Chí Minh” gồm chương mở đầu có tính chất nhập môn và 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học, bao gồm: tư tưởng về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; tư tưởng về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; tư tưởng về Đảng cộng sản Việt Nam; tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; tư tưởng về văn hóa, đạo đức, và xây dựng con người mới.

6. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam**2TC (LT: 25; TH: 5)**

Học phần tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần “Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam” gồm chương mở đầu có tính chất nhập môn và 8 chương (từ chương 1 đến chương 8) bao quát những nội dung cơ bản về đường lối của Đảng trong thời kỳ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội; Bồi dưỡng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước; Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách của Đảng.

7. Tiếng Anh 1.**2TC (LT: 25, TH: 5)**

Học phần tiên quyết: Không

Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngữ âm (âm đơn, âm đôi, âm nguyên âm, phụ âm), ngữ pháp và từ vựng và các kỹ năng tiếng (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ sơ cấp. Người học có thể bước đầu sử dụng các kiến thức đã học để thực hiện giao tiếp trong các tình huống quen thuộc hàng ngày về các chủ đề về bản thân, gia đình, công việc, quê hương, thời tiết, môi trường, thể thao... có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân, bạn bè; giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng

hợp tác giúp đỡ.

8. Tiếng Anh 2.

2TC (LT: 25, TH: 5)

Học phần tiên quyết: Tiếng Anh 1.

Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm như: Liệt kê và sử dụng được các thì trong tiếng Anh, các điểm ngữ pháp cơ bản; phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết các đề tài có liên quan đến cuộc sống hằng ngày; có ý thức tự giác trong học tập và nghiên cứu; có phương pháp học tập tích cực, trau dồi kiến thức.

Học xong học phần này người học biết cách sử dụng thì tương lai gần, thì tương lai đơn, thì quá khứ đơn, thì hiện tại hoàn thành; so sánh hơn và so sánh nhất, trạng từ, giới từ, động từ, từ đồng nghĩa và trái nghĩa, đại từ quan hệ và các loại câu hỏi. SV làm quen về hình thức và nội dung bài báo, các mẫu chuyện. SV được cung cấp từ vựng về cuộc sống hàng ngày, về cách chỉ đường, được củng cố và trang bị thêm một phần kiến thức cơ bản để nâng cao khả năng giao tiếp tiếng Anh.

9. Tiếng Anh nâng cao

2TC (LT: 15, TH: 30)

Học phần tiên quyết: Tiếng Anh 2

Học phần Tiếng Anh nâng cao cung cấp cho người học các kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và kiến thức văn hóa xã hội của các nước nói tiếng Anh ở trình độ cận trung cấp. Học phần giúp người học phân biệt văn phong học thuật và văn phong hội thoại, cách dựng câu, cách sử dụng từ và câu phổ biến. Học phần giúp người học thực hành và phát triển các kỹ năng tiếng (đọc, nghe, nói, viết) ở mức độ cận trung cấp.

10. Tin học

2TC (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Không

Học phần Tin học là học phần thuộc khối kiến thức chung, bao gồm những nội dung: Sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản MS Word để soạn thảo, trình bày văn bản, tài liệu phục vụ công tác văn phòng, học tập, nghiên cứu của người học; sử dụng phần mềm bảng tính MS Excel phục vụ công việc văn phòng, học tập, tổng hợp, thống kê dữ liệu; sử dụng phần mềm PowerPoint nhằm thiết kế bài thuyết trình, báo cáo trình chiếu phục vụ chuyên đề, công tác chuyên môn, hội thảo, hội nghị khoa học; sử dụng internet để duyệt web, tải, khai thác và trao đổi thông tin, sử dụng được các chức năng nâng cao của Google: Google Document, Google Sheet, Google Drive nhằm phục vụ quá trình học tập của người học.

11. Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo **2TC (LT: 25; TL:5)**

Học phần tiên quyết: Không

Học phần Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo là môn học cung cấp những hiểu biết về ngành, về về Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, pháp luật, pháp lệnh, cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước, các khái niệm công sở, công vụ..., định hướng chiến lược giáo dục và đào tạo thời kỳ công nghiệp hóa – hiện đại hóa; Luật Giáo dục, Điều lệ trường phổ thông; Những quy định, quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với bậc giáo dục phổ thông, thực tiễn giáo dục địa phương.

II. KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ BẢN

12. Tâm lý học đại cương: 2 TC (LT: 25; TH: 5)

Học phần tiên quyết: Không

Tâm lý học đại cương cung cấp những kiến thức chung về Tâm lý đại cương, là cơ sở để sinh viên tiếp cận đối với các môn học có liên quan đến khoa học tâm lý và vận dụng các kiến thức, sự hiểu biết tâm lý con người để giải quyết các mối quan hệ trong công việc chuyên môn của cá nhân. Tâm lý học còn được vận dụng trực tiếp vào đời sống thực tiễn, giúp cho mỗi cá nhân có đời sống tâm lý phong phú, lành mạnh.

13. Giáo dục học đại cương: 2 TC (LT: 25; TH: 5)

Học phần tiên quyết: Tâm lý học đại cương

Giáo dục học đại cương là môn học mang tính chất tổng quan về khoa học giáo dục. Thông qua môn học sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cần thiết để thực hiện tốt công tác dạy học và giáo dục ở trường mầm non. Qua đó giúp sinh viên xác định được một số nội dung, phương hướng để học tập các môn học chuyên ngành.

14. Âm nhạc: 3 TC (LT: 30; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Không

Học phần Âm nhạc gồm có ba phần. Phần 1: Nhạc lý cơ bản: cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết âm nhạc cho người học như: Khái niệm âm thanh, âm nhạc và các kí hiệu để ghi chép nhạc; Tiết tấu, phách, nhịp; Quãng, Điệu thức - giọng; cách xác định giọng; hợp âm. Phần 2: Tập đọc nhạc: đọc nhạc được một số bài hát, bài nhạc đơn giản viết ở giọng Đô trưởng, La thứ, Fa trưởng, Rê thứ, Sol trưởng, Mi thứ. Phần 3: Hát: Trang bị những kiến thức và một số kỹ

năng cơ bản về ca hát, biết hát các ca khúc nhà trẻ, mẫu giáo quy định ở trường mầm non.

15. Mỹ thuật:

3 TC (LT: 30; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Không

Những vấn đề chung về nghệ thuật tạo hình: Kiến thức và kỹ năng thể hiện luật xa gần, hình họa, màu sắc, bố cục, tỉ lệ người, phóng tranh, tranh đề tài, tranh minh họa, tranh xé-cắt-dán, kẻ cắt chữ, nặn; trang trí trường lớp mầm non

Những vấn đề chung về kỹ thuật làm đồ chơi: Ý nghĩa của đồ chơi với trẻ nhỏ; những yêu cầu khoa học đối với đồ chơi dùng cho trẻ nhỏ; nguyên tắc làm đồ chơi; kỹ thuật làm đồ chơi từ các nguyên vật liệu khác nhau.

16. Múa dân gian cơ bản:

2 TC (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Âm nhạc

Học phần Múa dân gian cơ bản cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về nghệ thuật múa: Khái niệm, phân loại múa, các kỹ năng múa, một số tác động múa dân gian và các điệu nhảy cơ bản. Học xong phần này, sinh viên sẽ có được một số kiến thức cơ bản về nghệ thuật múa. Biết vận dụng những kiến thức đó vào biên đạo múa cho trẻ mầm non. Tổ chức tốt hoạt động vận động theo nhạc cho trẻ mầm non.

17. Tiếng Việt thực hành :

2 TC (LT:15; TL:30)

Học phần tiên quyết: Không

Học phần Tiếng Việt thực hành là học phần cơ sở ngành thuộc Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non. Học phần này được dạy ở học kì 2 của chương trình đào tạo, gồm 6 lĩnh vực kiến thức về rèn luyện kỹ năng đọc hiểu văn bản; rèn luyện kỹ năng đọc thành tiếng; rèn luyện kỹ năng viết chữ, rèn luyện viết đúng chính tả; rèn luyện kỹ năng viết văn bản, miêu tả, kể chuyện, tường thuật, nghị luận; rèn luyện kỹ năng nghe nói trong hoạt động học tập và hoạt động giao tiếp thường ngày; rèn luyện kỹ năng kể chuyện, các phương pháp kể chuyện hay, hấp dẫn.

18. Đàn phím điện tử:

2TC (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Âm nhạc

Học phần Đàn phím điện tử cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về phương pháp học đàn phím điện tử. Vận dụng thành thạo các chức năng thường dùng khi đàn các tác phẩm, bước đầu hình thành kỹ năng đệm

hát ở mức độ đơn giản với các ca khúc giọng đô trưởng (C dur) và giọng La thứ (a moll) trong chương trình âm nhạc mầm non.

III. KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CHUYÊN NGÀNH

19. Sự phát triển thể chất trẻ em: 2 TC (LT: 25; TH:5)

Học phần tiên quyết: Không

Khái niệm cơ bản về sự phát triển sinh lý trẻ em; các thời kỳ phát triển của cơ thể trẻ em, các chỉ số đánh giá, yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển cơ thể trẻ; đặc điểm sinh lý và vệ sinh bảo vệ các hệ cơ quan cơ thể trẻ em lứa tuổi mầm non (hệ thần kinh, hệ phân tích, hệ cơ, hệ hô hấp, hệ tuần hoàn, hệ tiêu hóa, hệ nội tiết và hệ sinh dục)

20. Sự học và phát triển tâm lý trẻ mầm non: 2 TC (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Tâm lý học đại cương

Sự học và phát triển tâm lý trẻ mầm non là học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ sở ngành bằng cách cung cấp các khái niệm, đặc điểm cơ bản về các hoạt động như: hoạt động với đồ vật, hoạt động vui chơi, hoạt động học tập, hoạt động lao động của trẻ ở trường mầm non. Thông qua đó giúp người học xác định được mối liên hệ giữa các đặc điểm, quy luật phát triển tâm lý của trẻ mầm non khi tổ chức các hoạt động giáo dục cơ bản.

21. Giáo dục học mầm non: 2 TC (LT: 25; TH: 5)

Học phần tiên quyết: Giáo dục học đại cương

Nội dung học phần giáo dục học mầm non đề cập đến các nội dung cơ bản về: Một số khái niệm của giáo dục học, giáo dục học mầm non, các nguyên tắc, nội dung, phương pháp, các hoạt động được tổ chức trong trường mầm non như: vui chơi, học tập, lao động, tham quan; sự ảnh hưởng của hoạt động vui chơi, của trò chơi đối với sự phát triển nhân cách của trẻ từ 0 - 6 tuổi; giới thiệu một số trò chơi, cách tổ chức trò chơi cho trẻ; học phần cũng đề cập đến việc chuẩn bị tâm lý cho trẻ vào trường phổ thông, công tác quản lý nhóm của các giáo viên mầm non. Đây là những cơ sở hết sức quan trọng để tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường mầm non.

22. Vệ sinh - dinh dưỡng cho trẻ mầm non: 2TC (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Sự phát triển thể chất trẻ em

Những kiến thức cơ bản về vệ sinh học: vi sinh vật; sự phân bố của vi sinh vật trong tự nhiên và ký sinh ở người; ký sinh trùng và các biện pháp phòng tránh;

đại cương về nhiễm khuẩn, bệnh truyền nhiễm và miễn dịch; các biện pháp diệt khuẩn và ứng dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non. Yêu cầu và chế độ vệ sinh ở trường mầm non (vệ sinh về xây dựng; vệ sinh trang thiết bị; vệ sinh chăm sóc trẻ).

Dinh dưỡng học: Khái niệm về dinh dưỡng; dinh dưỡng hợp lý và tầm quan trọng của dinh dưỡng hợp lý; năng lượng và các chất dinh dưỡng cần thiết đối với cơ thể; một số bệnh thường gặp ở trẻ nhỏ do dinh dưỡng không hợp lý; giá trị dinh dưỡng của thực phẩm, cách sử dụng và chế biến các loại thực phẩm thông dụng; an toàn vệ sinh thực phẩm

23. Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non:

2TC (LT: 25; TH: 5)

Học phần tiên quyết: Vệ sinh – dinh dưỡng cho trẻ mầm non

Phòng bệnh cho trẻ em: Các bệnh thường gặp ở trẻ em; sơ cứu ban đầu và cấp cứu khẩn cấp thường gặp; thuốc và cách sử dụng thuốc trong trường mầm non. Phòng tránh và xử lý một số tai nạn thường gặp ở trẻ nhỏ. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và giáo dục vệ sinh an toàn cho trẻ trong trường mầm non.

24. Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi:

2 TC (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Sự học và phát triển tâm lý trẻ mầm non.

Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi là một học phần chuyên ngành cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về trò chơi trẻ em và công tác giáo dục trẻ: Khái niệm, các loại trò chơi, những đặc trưng, vai trò của trò chơi trẻ em trong giáo dục trẻ mầm non; đồng thời cung cấp kiến thức cụ thể về từng loại trò chơi ở trẻ mầm non như đặc điểm, sự phát triển của trò chơi ở từng độ tuổi, phương pháp hướng dẫn, lập kế hoạch tổ chức và tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non, đánh giá hoạt động chơi của trẻ. Những kiến thức trên giúp sinh viên tổ chức tốt hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường mầm non, đồng thời giúp sinh viên vận dụng vào việc tổ chức hoạt động học tập của trẻ ở các môn học khác.

25. Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình:

3 TC (LT: 30; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Mĩ thuật

Những vấn đề lý luận cơ bản: Ý nghĩa của hoạt động tạo hình đối với sự phát triển trẻ toàn diện; đặc điểm hoạt động tạo hình của trẻ mầm non; giáo dục

thẩm mỹ cho trẻ thông qua các phương tiện hoạt động tạo hình; nội dung và các thể loại hoạt động tạo hình của trẻ mầm non: vẽ, nặn, cắt dán, ghép.

Tổ chức hoạt động tạo hình trong các cơ sở giáo dục mầm non: Vị trí của hoạt động tạo hình và sáng tạo thẩm mỹ trong chương trình giáo dục mầm non. Mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện tổ chức hoạt động tạo hình. Lập kế hoạch tổ chức và đánh giá hoạt động tạo hình và sáng tạo thẩm mỹ của trẻ.

26. Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc:

3 TC (LT:30; TH:30)

Học phần tiên quyết: Âm nhạc, Múa dân gian cơ bản

Ý nghĩa của âm nhạc đối với trẻ. Đặc điểm cảm thụ và năng lực âm nhạc, múa của trẻ lứa tuổi mầm non. Vị trí của hoạt động âm nhạc trong chương trình giáo dục mầm non. Mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện giáo dục âm nhạc ở trường mầm non. Hình thức và các thể loại tổ chức hoạt động âm nhạc của trẻ mầm non: Ca hát, nghe nhạc, vận động theo nhạc, trò chơi âm nhạc.

27. Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ:

3 TC (LT: 30; TH:30)

Học phần tiên quyết: Tiếng Việt thực hành.

Học phần Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ giúp sinh viên nắm được: Hệ thống tri thức khoa học cơ bản, hiện đại về phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ; Quan điểm duy vật biện chứng về mối liên hệ giữa ngôn ngữ với con người và các quy luật phát triển lời nói cho trẻ trước tuổi đến trường phổ thông; Đặc điểm ngôn ngữ của trẻ từng độ tuổi, nội dung, phương pháp, hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Biết cách tổ chức hoạt động cho trẻ nhận biết tập nói và làm quen chữ cái, chuẩn bị cho trẻ vào học lớp Một. Qua đó rèn cho sinh viên kỹ năng soạn giảng, vận dụng các phương pháp phát triển ngôn ngữ vào quá trình thực hành sư phạm để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp. Ngoài ra, sinh viên biết vận dụng những tri thức của bộ môn vào việc giảng dạy và rèn luyện, trau dồi năng lực ngôn ngữ để nói, viết tiếng Việt đúng, hay. Từ đó, có lòng yêu quý tiếng mẹ đẻ.

28. Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động làm quen văn học:

3 TC (LT: 30; TH:30)

Học phần tiên quyết: Sự học và phát triển tâm lý trẻ mầm non, Giáo dục

học mầm non.

Vị trí của văn học trong giáo dục trẻ; văn học dân gian, văn học thiếu nhi trong và ngoài nước. Đặc điểm cảm thụ văn học của trẻ em. Vai trò của đọc kể diễn cảm trong việc phát triển hoạt động ngôn ngữ nghệ thuật của trẻ em lứa tuổi mầm non: chất giọng, logic đọc, ngữ điệu, ngắt nghỉ giọng, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ, lấy hơi. Các thức thể hiện các loại hình văn học: Đọc thơ, đọc và kể chuyện, sân khấu hóa các loại hình văn học.

Nhiệm vụ của việc cho trẻ tiếp xúc với văn học: Lập kế hoạch, đánh giá, phương pháp, biện pháp và hình thức đọc thơ, kể chuyện cho trẻ nghe; phương pháp và hình thức dạy trẻ thể hiện các tác phẩm văn học.

29. Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với toán:

3 TC (LT: 30; TH:30)

Học phần tiên quyết: Sự học và phát triển tâm lý trẻ mầm non, Giáo dục học mầm non.

Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với toán là một học phần chuyên ngành giáo dục mầm non được cấu trúc gồm 6 chương với những nội dung cơ bản đó là: Cơ sở lý luận và định hướng của quá trình cho trẻ mẫu giáo làm quen với toán, hình thành biểu tượng về số lượng, con số và phép đếm, kích thước, hình dạng, sự định hướng trong không gian và thời gian cho trẻ mẫu giáo. Những kiến thức trên hỗ trợ sinh viên vận dụng vào việc lập kế hoạch, tổ chức hoạt động học tập và đánh giá trong môn học làm quen với toán nhằm phát triển nhận thức cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non.

30. Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động khám phá khoa học về môi trường xung quanh

3TC (LT: 30; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Sự học và phát triển tâm lý trẻ mầm non, Giáo dục học mầm non.

Đây là một học phần chuyên ngành giáo dục mầm non cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động khám phá khoa học về môi trường xung quanh ở trẻ mầm non bao gồm: những khái niệm cơ bản, ý nghĩa, đặc điểm nhận thức của trẻ mầm non về môi trường xung quanh, các nguyên tắc, nội dung, phương pháp và cách hướng dẫn tổ chức hoạt động cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh. Những kiến thức trên giúp SV vận dụng vào việc lập kế hoạch, tổ chức hoạt động học tập trong môn học khám phá khoa học về môi trường xung quanh nhằm phát triển nhận thức cho trẻ ở trường mầm non.

31. Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển vận động 3TC (LT: 30; TH: 30).

Học phần tiên quyết: Sự phát triển thể chất trẻ em

Lý luận cơ bản về giáo dục thể chất cho trẻ mầm non: nhiệm vụ, nội dung và phương tiện giáo dục thể chất; phát triển vận động chủ động cho trẻ lứa tuổi mầm non; phát triển các bài tập thể lực sáng tạo và tự lực của trẻ; cơ sở của việc dạy trẻ các thói quen và kỹ năng vận động; mối liên quan giữa phát triển các tố chất tâm vận động và thói quen vận động.

Nội dung và phương pháp dạy trẻ các bài tập vận động: Thể dục, trò chơi vận động, bài tập thụ động, bài tập chủ động, đội hình, đội ngũ, bài tập phát triển chung, vận động cơ bản; phương pháp tổ chức các hoạt động vận động của trẻ trong chế độ sinh hoạt tại trường mầm non, Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá hoạt động phát triển và giáo dục thể chất cho trẻ ở các cơ sở GDMN.

32. Giáo dục hòa nhập 2 TC (LT: 25; TH:5)

Học phần tiên quyết: Sự học và phát triển tâm lý trẻ mầm non, Giáo dục học mầm non.

Học phần giáo dục hòa nhập cung cấp cho sinh viên sư phạm mầm non những vấn đề chung về trẻ khuyết tật; hình thức giáo dục hòa nhập và tính tất yếu của giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở bậc học mầm non; Có hiểu biết cơ bản về chiến lược thúc đẩy và hỗ trợ giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non.

Học phần bước đầu giúp sinh viên sư phạm mầm non có khả năng xác định các dạng tật ở trẻ và cách thức (quy trình) tiến hành giáo dục hòa nhập; Biết xây dựng chiến lược thúc đẩy và hỗ trợ giáo dục hòa nhập.

Có lòng yêu nghề, yêu trẻ, có hứng thú trong công tác sư phạm; tin tưởng vào khả năng phát triển và hòa nhập xã hội của trẻ khuyết tật, tin vào tính khoa học và tính tất yếu của giáo dục hòa nhập.

KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG TỰ CHỌN A

33. Giáo dục về song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ cho trẻ mầm non dân tộc thiểu số 2TC (LT: 25; TH: 5)

Học phần tiên quyết: Sự học và phát triển tâm lý trẻ mầm non, Giáo dục học mầm non.

Học phần Giáo dục về song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ cho trẻ mầm non dân tộc thiểu số là học phần tự chọn thuộc Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non. Học phần này được dạy ở học kỳ 5 của chương trình

đào tạo gồm các kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) cơ bản thuộc một trong 4 ngôn ngữ dân tộc thiểu số tự chọn về các chủ đề: Lốp mẫu giáo, Bản thân, Gia đình, Động vật, Lễ hội - Làng - Mùa xuân, Thực vật, Hiện tượng thiên nhiên – Thời gian, Các hoạt động xã hội, Bác Hồ - Trường tiểu học... trong quan hệ với tiếng Việt (Việt – Bahnar; Việt – Jarai; Việt – Xê đăng; Việt - Giê-Triêng).

34. Văn học thiếu nhi và đọc diễn cảm **2TC (LT: 25; TH: 5)**

Học phần tiên quyết: Không

Văn học thiếu nhi và đọc diễn cảm là học phần được biên soạn nhằm mục đích phục vụ cho công tác đào tạo giáo viên Mầm non trình độ cao đẳng. Đây là học phần thuộc kiến thức cơ sở, cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về những vấn đề chung như: khái niệm, đặc trưng, vai trò của văn học dân gian đối với trẻ; khái niệm, đặc trưng của văn học thiếu nhi, giới thiệu một số tác giả, tác phẩm văn học thiếu nhi tiêu biểu trong chương trình mầm non; khái niệm, phương pháp, cách thức đọc, kể diễn cảm và vai trò của đọc, kể diễn cảm tác động đến sự tiếp nhận tác phẩm văn học của trẻ.

Học phần này còn cung cấp kiến thức chuyên sâu về các phương pháp, hình thức đọc, kể diễn cảm. Hướng dẫn và rèn luyện kỹ năng đọc, kể diễn cảm cho sinh viên ở một số tác phẩm thơ, truyện trong chương trình mầm non. Những kiến thức của học phần Văn học thiếu nhi và đọc diễn cảm giúp sinh viên nắm vững lý thuyết; thành thạo kỹ năng lựa chọn thơ, truyện cũng như kỹ năng đọc, kể diễn cảm trong hoạt động cho trẻ làm quen với thơ, truyện ở trường mầm non

35. Giáo dục gia đình **2TC (LT: 25; TH: 5)**

Học phần tiên quyết: Không

Học phần gồm 2 chương:

Chương 1. Lý luận chung về gia đình, khái quát những nội dung cơ bản: định nghĩa, các loại gia đình, các chức năng cơ bản và các mối quan hệ chủ yếu trong gia đình.

Chương 2: Giáo dục con trong gia đình, bao gồm những nội dung cơ bản về mục tiêu; đặc điểm phát triển tâm-sinh lý, nội dung, phương pháp giáo dục con ở từng giai đoạn phát triển.

36. Những phương pháp giáo dục tích cực trong giáo dục mầm non **2TC (LT: 25; TH: 5)**

Học phần tiên quyết: Sự học và phát triển tâm lý trẻ mầm non, Giáo dục học mầm non.

Học phần giúp sinh viên có hiểu biết rõ ràng về quá trình dạy và học tích cực, hiểu biết về bản chất của dạy học tích cực, sự khác nhau giữa dạy học tích cực và dạy học thụ động, sự khác nhau giữa kế hoạch bài dạy trong dạy học tích cực và giáo án trong dạy học thụ động. Học viên được tìm hiểu kỹ các phương pháp dạy học tích cực hiện nay như: phương pháp dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề, phương pháp dạy học hợp tác, phương pháp giáo dục Montessori, phương pháp giáo dục Reggio Emilia... Từ đó, sinh viên có kỹ năng vận dụng các phương pháp dạy học tích cực này vào việc lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ, đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường hứng thú học tập cho trẻ mầm non. Qua học phần, sinh viên sẽ có cơ sở, yêu thích việc đổi mới phương pháp dạy học, góp phần thực hiện công tác chuyên môn hiệu quả và phát triển nghề nghiệp.

KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG TỰ CHỌN B

37. Đánh giá trong giáo dục mầm non 2TC (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Sự học và phát triển tâm lý trẻ mầm non, Giáo dục học mầm non.

Học phần Đánh giá trong giáo dục mầm non gồm một số vấn đề chung về đánh giá trong giáo dục mầm non: Khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp và các kỹ thuật đánh giá (Đánh giá các hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non, chương trình giáo dục mầm non và sự phát triển của trẻ dưới tác động của chương trình giáo dục mầm non).

Qua đó hình thành những kỹ năng cơ bản trong việc đánh giá trẻ mầm non; rèn kỹ năng theo dõi, quan sát hành vi của trẻ trong các hoạt động hàng ngày và qua các chủ đề/chủ điểm; trung thực với kết quả đánh giá của trẻ; theo dõi các hoạt động đánh giá trẻ một cách có hệ thống và khoa học; khách quan, công bằng đúng mực đối với mọi trẻ, kể cả trẻ có nhu cầu đặc biệt, tạo sự phát triển toàn diện về thể lực, xã hội, tình cảm, thẩm mỹ và trí tuệ cho trẻ.

38. Phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và sáng kiến: 2TC (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Không.

Phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và sáng kiến là học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản như khái niệm, ý nghĩa, quy trình, phương pháp, cách tiến hành, cách đánh giá một đề tài nghiên cứu khoa học Sư phạm ứng dụng và sáng kiến kinh nghiệm. Thông qua việc nghiên cứu học phần người học có thể biết cách đánh giá hay tự bản thân thực hiện một đề tài

nghiên cứu khoa học hay sáng kiến kinh nghiệm trong quá trình giảng dạy hay quản lý giáo dục trong tương lai.

**39. Ứng dụng công nghệ thông tin trong Giáo dục Mầm non:
2 TC (LT: 15; TH: 30)**

Học phần tiên quyết: Tin học

Học phần Ứng dụng công nghệ thông tin trong Giáo dục Mầm non là học phần chuyên ngành, gồm những nội dung: Giới thiệu tổng quan về ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non; giới thiệu về internet và cách sử dụng một số dịch vụ của internet như: email, tìm kiếm và chia sẻ thông tin; hướng dẫn sử dụng phần mềm MS PowerPoint để xây dựng các bài giảng; sử dụng các phần mềm để tạo, chỉnh sửa, xử lý âm thanh và phim; hướng dẫn sử dụng phần mềm Violet trong việc tạo ra một số trò chơi phục vụ việc tổ chức dạy học cho trẻ ở trường mầm non.

40. Kỹ năng giao tiếp 2TC (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Không

Học phần kỹ năng giao tiếp được xây dựng nhằm cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về khoa học giao tiếp như: khái niệm, vai trò của giao tiếp trong đời sống cá nhân. Kỹ năng giao tiếp là sự kết hợp giữa các bài tập thực hành trong và ngoài lớp về các nguyên tắc ứng xử trong giao tiếp với các bối cảnh khác nhau. Từ đó hình thành thái độ tích cực, tự tin trong giao tiếp nhằm đạt hiệu quả cao nhất, cũng như ảnh hưởng của thái độ này đến các đối tượng khác trong quá trình giao tiếp. Học phần này có vai trò quan trọng trong việc hình thành hệ thống kỹ năng sống cho SV mầm non, góp phần nâng cao năng lực nghề nghiệp ở các cấp độ khác nhau. Đặc biệt là khả năng vận dụng các kỹ năng giao tiếp vào hoạt động chăm sóc-giáo dục trẻ mầm non.

KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG TỰ CHỌN C

41. Chuyên đề: Dạy Toán cho trẻ mầm non theo phương pháp Montessori : 2TC (LT: 25; TH: 5)

Học phần tiên quyết: Sự học và phát triển tâm lý trẻ mầm non, Giáo dục học mầm non.

Chuyên đề gồm những kiến thức chính xác, khoa học về phương pháp giáo dục Montessori một trong những phương pháp giáo dục tiên tiến trên thế giới hiện nay, bao gồm: cuộc đời và sự nghiệp của Maria Montessori; sự hình thành và phát triển phương pháp giáo dục Montessori; các quan điểm của Maria

Montessori về trẻ em; các đặc trưng và mục tiêu của phương pháp giáo dục Montessori; cách tổ chức lớp học Montessori; các góc hoạt động cơ bản trong lớp học Montessori giúp người học có những hiểu biết nhất định để vận dụng vào việc thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non, góp phần nâng cao hiệu quả chăm sóc, giáo dục trẻ; dạy toán cho trẻ mầm non theo phương pháp Montessori.

42. Chuyên đề: Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non người dân tộc thiểu số **2TC (LT: 25; TH: 5)**

Học phần tiên quyết: Tiếng Việt thực hành

Dạy trẻ nói tiếng Việt là một hoạt động quan trọng trong giáo dục mầm non. Chuyên đề: Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non người Dân tộc thiểu số giúp cho sinh viên tiếp cận Chương trình tập nói tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo Dân tộc thiểu số như: Mục tiêu; nội dung - Kế hoạch dạy học; các yêu cầu cần đạt của chương trình tập nói tiếng Việt; phương pháp dạy học; công tác phối hợp giữa gia đình, cộng đồng trong việc dạy tập nói tiếng Việt cho trẻ và cách đánh giá kết quả học tập của trẻ.

Qua đó, giúp sinh viên đáp ứng được với vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp, đặc biệt tại các vùng khó khăn có nhiều trẻ em người Dân tộc thiểu số sinh sống.

43. Chuyên đề: Tích hợp sử dụng âm nhạc vào hoạt động thể dục sáng cho trẻ mầm non: **2 TC (LT: 25; TH: 5)**

Học phần tiên quyết: Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc, Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển vận động

Tích hợp sử dụng âm nhạc vào hoạt động thể dục sáng cho trẻ mầm non bao gồm: Vai trò của giáo dục âm nhạc và âm nhạc với thể dục sáng cho trẻ mầm non; phương pháp hướng dẫn trẻ hoạt động vận động theo tiết tấu âm nhạc; phương pháp hướng dẫn thể dục sáng cho trẻ mầm non; những vấn đề cần lưu ý khi cho trẻ làm quen với thể dục sáng theo nhạc.

Những kiến thức trên hỗ trợ sinh viên vận dụng vào việc tổ chức hoạt động hoạt động giáo dục âm nhạc và phát triển vận động nhằm phát triển nhận thức, thể chất và thẩm mỹ cho trẻ ở trường mầm non.

KIẾN TẬP, THỰC TẬP SỰ PHẠM

44. Thực hành sự phạm 1: **2TC (TH: 60)**

Học phần tiên quyết: Không

Học phần thực hành sự phạm 1 là học phần rèn luyện nghiệp vụ sự phạm thường xuyên cho sinh viên năm thứ nhất của Bộ môn Tâm lý - Giáo dục đối với

ngành Cao đẳng Giáo dục Mầm non bao gồm các kiến thức về thực hành sư phạm, phong cách văn hóa và giao tiếp sư phạm; các kỹ năng về giao tiếp, xử lý tình huống sư phạm thường gặp. Thông qua môn học sinh viên được tham gia vào các hoạt động sau: Quan sát, tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; tham gia thảo luận, xêmina làm các bài tập thực hành theo chương trình.

45. Thực hành sư phạm 2: 2 TC (TH: 60)

Học phần tiên quyết: Thực hành sư phạm 1

Thiết kế hoạt động giáo dục và tập giảng các môn phương pháp trong chương trình đào tạo: Tìm hiểu và bước đầu thực hành tổ chức các hoạt động giáo dục: Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc, Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển vận động, Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động khám phá khoa học về môi trường xung quanh, Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động làm quen biểu tượng toán, ...Lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ ở trường mầm non. Lập kế hoạch và tổ chức các ngày Lễ hội cho trẻ ở trường mầm non.

Sinh viên nắm được các kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, hình thành hệ thống kỹ năng nghề nghiệp cơ bản gắn liền với thực tiễn bậc học mầm non. Giúp sinh viên hình thành ý thức, tình cảm nghề nghiệp, chuẩn bị cho sinh viên bước vào nghề.

Tiếp cận, xử lý và vận dụng linh hoạt những thông tin khoa học mới của ngành khoa học vào hoạt động thực tiễn của GDMN; sử dụng các phương tiện phục vụ cho hoạt động chăm sóc- giáo dục trẻ.

46. Kiến tập sư phạm: 2TC (TH: 90).

Học phần tiên quyết: Không

Học phần Kiến tập sư phạm là một học phần rất cần thiết và đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng gắn liền với thực tế ở cơ sở giáo dục. Học phần được tổ chức tại các Trường mầm non, giúp sinh viên bước đầu được tiếp cận tìm hiểu thực tế về hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non thông qua các nội dung như: nghe báo cáo về thực tế tổ chức hoạt động giáo dục tại cơ sở kiến tập; rèn kỹ năng giao tiếp sư phạm; quan sát và tham gia các hoạt động chăm sóc trẻ tại nhóm/lớp mầm non...

Những kiến thức, kỹ năng của học phần này sẽ giúp sinh viên hình thành các kỹ năng nghề nghiệp cơ bản: Kỹ năng chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non; kỹ năng quản lý nhóm/lớp trẻ; kỹ năng chủ nhiệm lớp; kỹ năng lập kế hoạch và chăm sóc, giáo dục trẻ; kỹ năng làm đồ dùng dạy học và đồ chơi phục vụ hoạt động giáo

dục; thái độ đúng đắn và tình yêu nghề, mến trẻ, tự tin vận dụng kiến thức, kỹ năng lý luận vào tham gia các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non. Đây cũng là cơ hội để sinh viên học tốt hơn các học phần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và thực tập tốt nghiệp trong các giai đoạn tiếp theo.

47. Thực tập tốt nghiệp:

4 TC (TH: 180)

Học phần tiên quyết: Thực hành Sư phạm 2, Kiến tập sư phạm.

Sinh viên thực hành như một giáo viên mầm non tham gia vào tất cả các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non; thiết kế và thực hiện chương trình; trên cơ sở khai thác các nguồn lực một cách hợp lý. Tiếp tục rèn luyện và thể hiện kỹ năng giao tiếp với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp và cộng đồng; rèn luyện và thể hiện một cách có hiệu quả các kỹ năng tổ chức và quản lý nhóm lớp; rèn luyện kỹ năng đánh giá và điều chỉnh các hoạt động giáo dục trẻ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP HOẶC HỌC PHẦN THAY THẾ

Khóa luận tốt nghiệp là nội dung quan trọng trong chương trình đào tạo. Để được công nhận tốt nghiệp, sinh viên phải hoàn thành Khóa luận tốt nghiệp, nhà trường tổ chức chấm khóa luận và công nhận kết quả hoặc học và thi hết môn hai học phần thay thế.

Dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên tiến hành một nghiên cứu khoa học về một đề tài trong lĩnh vực Giáo dục Mầm non. Khóa luận tốt nghiệp tạo cơ hội để sinh viên thực hành khả năng nghiên cứu khoa học và tìm hiểu về một vấn đề mà sinh viên quan tâm.

Các khối kiến thức, kỹ năng được thiết kế sao cho nội dung đáp ứng được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

48. Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non

3TC (LT: 30; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Sự học và phát triển tâm lý trẻ mầm non, Giáo dục học mầm non.

Giới thiệu chương trình Giáo dục Mầm non (cách tiếp cận, nguyên tắc và các bước phát triển); phân tích chương trình Giáo dục Mầm non. Các điều kiện thực hiện chương trình (yếu tố con người, cơ chế quản lý và tổ chức thực hiện, cơ sở vật chất)

Phát triển chương trình và lập kế hoạch giáo dục: Quan điểm tiếp cận và hình thức thiết kế chương trình giáo dục mầm non; cơ sở khoa học và thực tiễn của việc phát triển chương trình, xây dựng chế độ sinh hoạt và lập kế hoạch giáo

dục; các bước phát triển chương trình và lập kế hoạch giáo dục; yêu cầu và các loại kế hoạch giáo dục trong trường mầm non.

Tổ chức thực hiện và đánh giá việc thực hiện chương trình Giáo dục Mầm non: Áp dụng các phương pháp phù hợp với sự phát triển của trẻ giúp trẻ phát triển trí tò mò, sáng tạo, khả năng giải quyết vấn đề và tư duy linh hoạt, phát triển thể lực, xã hội, tình cảm, thẩm mỹ và trí tuệ. Kiến thức và năng lực tổ chức, thực hiện các hoạt động học tập và giáo dục có ý nghĩa và mang tính tích hợp, xuất phát từ nhu cầu và hứng thú của trẻ trong tất cả các nội dung giáo dục.

Xây dựng môi trường giáo dục: Khái niệm (môi trường giáo dục, môi trường vật chất, môi trường xã hội); nguyên tắc xây dựng môi trường giáo dục; các yêu cầu đối với môi trường giáo dục (thẩm mỹ, sư phạm, phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ); các bước xây dựng môi trường giáo dục theo chủ đề; tạo dựng, đánh giá và lựa chọn học liệu, trang thiết bị, môi trường giáo dục phù hợp với sự phát triển của trẻ.

49. Nghề giáo viên mầm non: 2 TC (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Sự học và phát triển tâm lý trẻ mầm non, Giáo dục học mầm non.

Hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non: Đối tượng hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non. Công cụ lao động, chức năng và các kỹ năng nghề giáo viên mầm non. Giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non. Khó khăn và tình huống sư phạm trong công tác của giáo viên mầm non.

Các giai đoạn phát triển nhân cách và nghề giáo viên mầm non: Con đường hình thành phẩm chất và năng lực của giáo viên mầm non. Định hướng, các giai đoạn phát triển nghề và các yêu cầu chuẩn của các bậc đào tạo. Các loại hình đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên đối với nghề giáo viên mầm non.

50. Quản lý giáo dục mầm non: 2TC (LT: 15; TH: 30)

Học phần tiên quyết: Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo

Quản lý giáo dục mầm non là một học phần chuyên ngành giáo dục mầm non cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về quản lý trong giáo dục mầm non bao gồm những khái niệm cơ bản, mục tiêu, chức năng, nguyên tắc, phương pháp; khái quát chung về trường mầm non, vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn, các yêu cầu và nghiệp vụ quản lý của cán bộ quản lý trường mầm non; Giáo viên mầm non và công tác quản lý nhóm lớp trong trường mầm non. Những kiến thức trên giúp sinh viên vận dụng vào việc xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm/lớp

mầm non.

51. Phương pháp giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ mầm non 3TC (LT: 30; TH: 3

Học phần tiên quyết: Vệ sinh – dinh dưỡng cho trẻ mầm non, Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non.

Học phần Giáo dục dinh dưỡng cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản như: Những vấn đề chung về giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe; Nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục dinh dưỡng ở trường mầm non và ở cộng đồng; một số bệnh liên quan trực tiếp đến dinh dưỡng và sức khỏe.

Học xong học phần này sinh viên biết cách tổ chức các hoạt động giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ ở trường mầm non theo hướng tích hợp. Biết cách phòng chống một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ ở trường mầm non.

11. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá theo Thông tư số 07/2023/TT-BGDĐT ngày 10/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

11.1. Điểm học phần

Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6.

Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2.

Điểm học phần đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 10 đạt từ 4,00 trở lên sau khi đã quy đổi.

Đối với các học phần thực hành, thực tập sư phạm tại cơ sở, đánh giá điểm học phần theo Quy định về thực hành, thực tập của Trường.

11.2. Điểm trung bình chung tích lũy

Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình chung của các học phần mà người học đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ, năm học, khóa học.

Điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

a) Công thức tính điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A: Là điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học hoặc điểm trung bình chung tích lũy;

i: Là số thứ tự học phần;

a_i : Là điểm của học phần thứ i;

n_i : Là số tín chỉ của học phần thứ i;

n: Là tổng số học phần trong học kỳ, năm học, khóa học hoặc số tín chỉ đã tích lũy.

b) Điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy bao gồm cả điểm học phần được bảo lưu, không bao gồm điểm học phần được miễn trừ và học phần điều kiện.

c) Trường hợp người học được tạm hoãn học học phần thì chưa tính khối lượng học tập của học phần đó trong thời gian được tạm hoãn.

12. Định hướng phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra, đánh giá

12.1. Định hướng phương pháp dạy học

- Sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học có nhiều tác dụng khơi dậy hoạt động tích cực của người học, tăng cường khả năng tự học, tự nghiên cứu như: Xêmina, bài tập nghiên cứu, góp ý giúp đỡ cá nhân/nhóm...

- Thông qua việc dạy các học phần, chú ý thích đáng việc rèn luyện cho sinh viên phương pháp học như: kỹ thuật tự học, kỹ thuật giao tiếp và hợp tác, kỹ thuật sáng tạo...

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy - học	Mục đích
Diễn giảng/ giảng giải, thuyết trình,	Cung cấp và mở rộng cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của các môn học một cách khoa học, logic. Hướng cho SV

Phương pháp, hình thức tổ chức đạy - học	Mục đích
phân nhóm, tổng hợp	cách sử dụng phương pháp thuyết trình để trình bày một vấn đề, một kỹ năng trong bài học; phân tích, tổng hợp các vấn đề nhằm hướng đến mục tiêu dạy học.
Đàm thoại, vấn đáp, thảo luận, giao tiếp	<p>Thông qua giờ học GV căn cứ vào nội dung bài học khéo léo đặt ra câu hỏi để SV căn cứ vào kiến thức đã có kết hợp với sự hướng dẫn của GV qua các thiết bị giảng dạy để làm sáng tỏ vấn đề, tìm ra những tri thức mới; nhằm củng cố, mở rộng, đào sâu những tri thức đã tiếp thu được, từ đó tổng kết hệ thống hóatrithức.</p> <p>Giúp GV thu hút được tín hiệu ngược lại từ SV một cách nhanh chóng để kịp thời điều chỉnh hoạt động của mình. Thông qua đó GV vừa có khả năng chỉ đạo nhận thức toàn lớp vừa chỉ đạo nhận thức của từng SV.</p>
Dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề, bài tập tình huống, đóng vai	Tạo ra năng lượng tích cực trên giờ học, GV tạo ra những tình huống có vấn đề, điều khiển SV phát hiện vấn đề, hoạt động tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo để giải quyết vấn đề và thông qua đó chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện kỹ năng và đạt được những mục đích học tập khác. Giúp SV tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung chương trình học vào giải quyết vấn đề thực tế trong một tình huống cụ thể. Có khả năng vận dụng vào thực tiễn công tác.
Sử dụng tài liệu, trực quan, làm mẫu	Giúp SV có thể tiếp nhận bằng mắt, hiểu được những đơn vị kiến thức bằng quan sát các sơ đồ và củng cố, khái quát hóa tri thức cho SV. Mặt khác, giúp SV tiếp cận với các học liệu liên quan đến hoạt động học tập, vui chơi, sinh hoạt của trẻ, sơ đồ hóa, hệ thống kiến thức, video, giáo án tham khảo của GVMN, quan sát thực tế các hoạt động do GVMN tổ chức tại các trường mầm non.
Dạy học hợp tác	Thông qua việc trao đổi, hỏi đáp giữa GV và SV, giữa các SV để làm rõ nội dung kiến thức trong môn học. Giúp SV

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy - học	Mục đích
(thảo luận nhóm, Xêmina, trò chơi)	nâng cao kỹ năng trình bày vấn đề trước đám đông, kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm, lập kế hoạch, rèn luyện kiến thức và kỹ năng môn học.
Thực hành (tham quan, đi thực tế), luyện tập	Giúp SV hệ thống lại kiến thức đã học; thực hành phát triển các kỹ năng cần thiết của môn học. Hình thức tổ chức tham quan, đi thực tế có tác dụng rèn luyện khả năng quan sát, phân tích và mở rộng tầm hiểu biết về thực tiễn dạy học tại các trường mầm non cho SV.
Bài tập lớn, nghiên cứu khoa học/ sáng kiến kinh nghiệm, giao nhiệm vụ, hướng dẫn học	Giúp SV tìm hiểu, quan sát, thí nghiệm... dựa trên những số liệu, dữ liệu, tài liệu thu thập được để phát hiện ra bản chất, quy luật chung của sự vật, hiện tượng, tìm ra những kiến thức mới hoặc tìm ra những ứng dụng kỹ thuật mới, những mô hình mới có ý nghĩa thực tiễn. Giúp SV tính năng động, sáng tạo, năng lực tự học, khả năng nghiên cứu khoa học độc lập và vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học để giải quyết một số vấn đề của khoa học và thực tiễn, đáp ứng nhu cầu xã hội hiện nay.

Các phương pháp dạy học như: thuyết trình, đàm thoại/ phát vấn, thảo luận nhóm/ semina, giảng giải, làm mẫu/ thị phạm, thực hành, bài tập tình huống, giao nhiệm vụ/ hướng dẫn học, luyện tập, đóng vai, trò chơi, giao tiếp... góp phần thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, thể hiện ở bảng sau:

TT	Phương pháp dạy học	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo										
		PLO 01	PLO 02	PLO 03	PLO 04	PLO 05	PLO 06	PLO 07	PLO 08	PLO 09	PLO 10	PLO 11
1	Thuyết trình	x	x	x	x	x		x	x	x		

TT	Phương pháp dạy học	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo										
		PLO 01	PLO 02	PLO 03	PLO 04	PLO 05	PLO 06	PLO 07	PLO 08	PLO 09	PLO 10	PLO 11
	dẫn học											
9	Luyện tập	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
10	Đóng vai	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
11	Trò chơi	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
12	Giao tiếp		x						x			
13	Bài tập lớn (nghiên cứu khoa học)	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x
14	Phát hiện và giải quyết vấn đề	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x

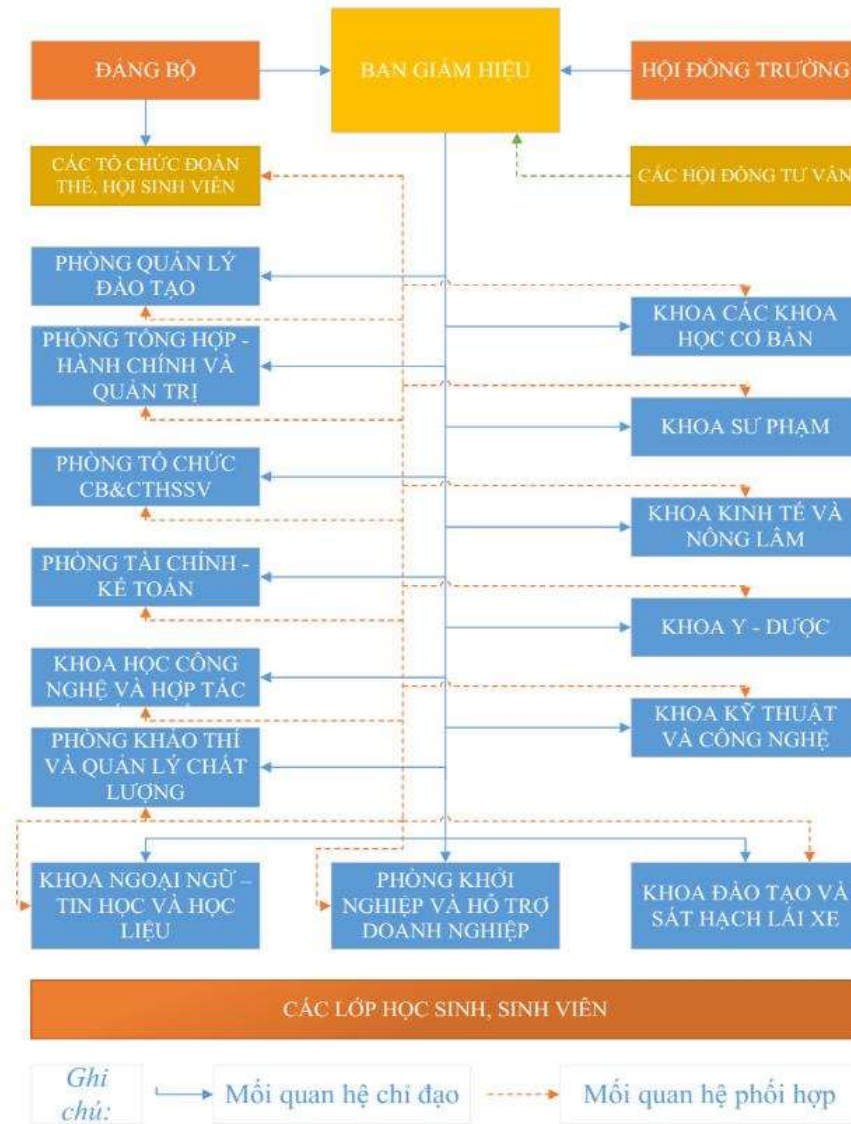
12.2. Định hướng phương pháp kiểm tra đánh giá

Sử dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra, đánh giá như: Tự luận, bài tập lớn, trắc nghiệm, thực hành, bài tập nhóm, bài tập cá nhân, thuyết trình nhóm/ cá nhân, viết báo cáo, thực tập... góp phần thực hiện Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo, thể hiện ở bảng sau:

TT	Phương pháp kiểm tra đánh giá	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo										
		PLO 01	PLO 02	PLO 03	PLO 04	PLO 05	PLO 06	PLO 07	PLO 08	PLO 09	PLO 10	PLO 11
1	Tự luận	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
2	Bài tập lớn	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3	Trắc nghiệm	x	x	x	x				x			
4	Thực hành	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5	Bài tập nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6	Bài tập cá nhân	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7	Thuyết trình nhóm/ cá nhân	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
8	Viết báo cáo	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x
9	Thực tập	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x

13. Cơ cấu tổ chức, đội ngũ và cơ sở vật chất, trang thiết bị

13.1. Cơ cấu tổ chức



13.2. Đội ngũ giảng viên thực hiện Chương trình

TT	Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Giảng dạy môn	Trình độ	Đơn vị công tác
I	Khối kiến thức, kỹ năng chung				
1	Hoàng Văn Vỹ	1983	Giáo dục thể chất	Cử nhân	CĐ Kon Tum
	Nguyễn Thị Châu	1983		Cử nhân	CĐ Kon Tum
2	Nguyễn Thị Hoài Thu	1979	Những nguyên lý cơ	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum

TT	Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Giảng dạy môn	Trình độ	Đơn vị công tác
	Lê Thị Thanh Hòa	1976	bản của chủ nghĩa Mác Lê Nin 1	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
3	Huỳnh Hà Tố Uyên	1981	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Trần Thị Hương	1983		Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
4	Lê Thị Hoan	1977	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Nguyễn Thị Nhâm	1982		Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
5	Trương Thị Thanh	1985	Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Vũ Thị Hằng Nga	1982		Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
6	Nguyễn Thị Thu Hoài	1978	Tiếng Anh 1	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Nguyễn Thị Lan Phương	1976		Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
7	Lê Thị Hoàng Lan	1982	Tiếng Anh 2	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Thạch Thị Hải Huyền	1977		Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
8	Lưu Thị Thúy Hiền	1985	Tiếng Anh nâng cao	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum

TT	Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Giảng dạy môn	Trình độ	Đơn vị công tác
	Trương Thị Hiếu	1984		Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
9	Nguyễn Thị Lệ Anh	1984	Tin học	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Nguyễn Thị Lành	1977		Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
10	Hoàng Văn Chi	1977	Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Nguyễn Thị Cúc	1982		Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
II	Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản				
11	Võ Đại Nam Anh		Tâm lý học đại cương	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Nguyễn Thị Cúc	1982		Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
12	Hoàng Văn Chi	1977	Giáo dục học đại cương	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Nguyễn Thị Cúc	1982		Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
13	Đặng Thị Thanh Sương	1971	Âm nhạc	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Trần Kim Trọng Nghĩa	1983			
14	Hoàng Kim Lân	1978	Mĩ thuật	Thạc sĩ	CĐ Kon

TT	Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Giảng dạy môn	Trình độ	Đơn vị công tác
	Đinh Văn Tính	1974		Thạc sĩ	Tum CĐ Kon Tum
15	Trần Thị Phương	1983	Múa dân gian cơ bản	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Nguyễn Thị Anh Đài	1977		Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
16	Lê Thị Ngọc	1985	Tiếng Việt thực hành	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Nguyễn Thị Hương	1980		Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Lê Thùy Ánh Tiết	1984		Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
17	Trần Kim Trọng Nghĩa	1983	Đàn phím điện tử	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Đặng Thị Thanh Sương	1971		Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
III	Khôi kiến thức, kỹ năng chuyên ngành				
18	Nguyễn Thị Bích Hạnh	1976	Sự phát triển thể chất trẻ em	GVC. Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Trần Hồng Đình			GVC. Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
19	Nguyễn Thị Cúc	1982	Sự học và phát triển tâm lý trẻ mầm non	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Võ Đại Nam Anh	1967		GVC.	CĐ Kon

TT	Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Giảng dạy môn	Trình độ	Đơn vị công tác
				Thạc sĩ	Tum
20	Hoàng Văn Chi	1977	Giáo dục học mầm non	GVC. Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Nguyễn Thị Cúc	1982		Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
21	Trương Thị Ngọc Thanh	1978	Vệ sinh - dinh dưỡng cho trẻ mầm non	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Nguyễn Văn Nam	1977		Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
22	Trần Thị Phượng	1983	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Nguyễn Thị Nhật Kim	1996		Cử nhân	CĐ Kon Tum
23	Nguyễn Thị Thu Hà	1975	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Nguyễn Thị Nhật Kim	1996		Cử nhân	CĐ Kon Tum
24	Trương Thị Ngọc Thanh	1978	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Nguyễn Thị Thu Hà	1975		Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
25	Trần Thị Phượng	1983	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Nguyễn Thị Anh Đài	1977		Thạc sĩ	CĐ Kon Tum

TT	Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Giảng dạy môn	Trình độ	Đơn vị công tác
26	Nguyễn Thị Anh Đài	1977	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Trần Thị Phương	1983		Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
27	Trương Thị Ngọc Thanh	1978	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động Làm quen văn học	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Nguyễn Thị Nhật Kim	1996		Cử nhân	CĐ Kon Tum
28	Nguyễn Thị Thu Hà	1975	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với toán	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Nguyễn Thị Nhật Kim	1996		Cử nhân	CĐ Kon Tum
29	Nguyễn Thị Thu Hà	1975	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động khám phá khoa học về môi trường xung quanh	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Trương Thị Ngọc Thanh	1978		Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
30	Nguyễn Thị Anh Đài	1977	Lý luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển vận động.	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Trần Thị Phương	1983		Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
31	Nguyễn Thị Anh Đài	1977	Giáo dục hòa	Thạc sĩ	CĐ Kon

TT	Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Giảng dạy môn	Trình độ	Đơn vị công tác
			nhập		Tum
	Nguyễn Thị Nhật Kim	1996		Cử nhân	CĐ Kon Tum
Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn A (Chọn 1 học phần)					
32	Lê Thùy Ánh Tiết	1984	Chuyên đề: Văn học thiếu	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Lê Thị Ngọc	1985	nhi và đọc diễn cảm	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
33	Lê Thị Thanh Hòa	1976	Giáo dục gia đình	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Vũ Thị Hằng Nga	1982		Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
34	Nguyễn Thị Anh Đài	1977	Những phương pháp giáo dục tích cực trong giáo dục mầm non	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Nguyễn Thị Nhật Kim	1996		Cử nhân	CĐ Kon Tum
Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn B (Chọn 1 học phần)					
35	Nguyễn Thị Anh Đài	1977	Đánh giá trong giáo dục mầm non	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Nguyễn Thị Thu Hà	1975		Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
36	Lê Thị Ngọc	1985	Phương pháp nghiên cứu	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum

TT	Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Giảng dạy môn	Trình độ	Đơn vị công tác
	Hoàng Văn Chi	1977	khoa học sư phạm ứng dụng và sáng kiến	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
37	Trần Thị Ngọc Hà	1976	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	GVC. Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Nguyễn Thị Lành	1977		Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
38	Nguyễn Thị Cúc	1982	Kỹ năng giao tiếp	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Hoàng Văn Chi	1977		GVC. Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn C (Chọn 1 chuyên đề)					
39	Nguyễn Thị Thu Hà	1975	Chuyên đề: Dạy Toán cho trẻ mầm non theo phương pháp Montessori	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Nguyễn Thị Nhật Kim	1996		Cử nhân	CĐ Kon Tum
40	Nguyễn Thị Anh Đài	1977	Chuyên đề: Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non người Dân tộc thiểu số.	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Trần Thị Phượng	1983		GVC. Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
41	Trần Thị Phượng	1983	Chuyên đề:	GVC.	CĐ Kon

TT	Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Giảng dạy môn	Trình độ	Đơn vị công tác
			Tích hợp sử dụng âm nhạc vào hoạt động thể dục sáng cho trẻ mầm non	Thạc sĩ	Tum
	Nguyễn Thị Anh Đài	1977		Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Thực hành, kiến tập, thực tập sư phạm				
42	Nguyễn Thị Cúc	1982	Thực hành sư phạm 1	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Võ Đại Nam Anh	1967		GVC. Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
43	Nguyễn Thị Anh Đài	1977	Thực hành sư phạm 2	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Trương Thị Ngọc Thanh	1978		Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
44	Nguyễn Thị Thu Hà	1975	Kiến tập sư phạm	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Trương Thị Ngọc Thanh	1978		Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
45	Trương Thị Ngọc Thanh	1978	Thực tập tốt nghiệp	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Nguyễn Thị Thu Hà	1975		Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Khoá luận tốt nghiệp				
	Học phần thay thế 1				

TT	Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Giảng dạy môn	Trình độ	Đơn vị công tác
46	Trần Thị Phương	1983	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Nguyễn Thị Anh Đài	1977		Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
47	Trương Thị Ngọc Thanh	1978	Nghề giáo viên mầm non	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Nguyễn Thị Thu Hà	1975		Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
Học phần thay thế 2					
48	Nguyễn Thị Thu Hà	1975	Quản lý giáo dục mầm non	Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Trương Thị Ngọc Thanh	1978		Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
59	Trần Thị Phương	1983	Phương pháp giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ mầm non.	GVC. Thạc sĩ	CĐ Kon Tum
	Nguyễn Thị Nhật Kim	1996		Cử nhân	CĐ Kon Tum

13.3. Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị để thực hiện Chương trình

- Có phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm để sinh viên thực hành một số nội dung môn học.

- Phòng thực hành của khoa được trang bị 1 ti vi và đã được nối mạng Internet đảm bảo cho các bài dạy bằng giáo án điện tử.

- Phòng thực hành chuyên môn: được trang bị tủ đựng đồ dùng dạy học và một số đồ dùng phục vụ cho sinh viên rèn kỹ năng của các học phần kiến thức chuyên ngành.

- Thư viện: Đảm bảo các đầu sách chuyên ngành và tham khảo để phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên.

14. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình Giáo dục Mầm non hệ cao đẳng được thiết kế dựa trên các văn bản sau:

- Quyết định số 1982/TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định Chuẩn nghề nghiệp Giáo viên Mầm non.

- Thông tư số 07/2023/TT-BGDĐT ngày 10/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

- Kế hoạch số 79/KH-CĐCĐ ngày 17/02/2022 của nhà trường về việc xây dựng chương trình đào tạo, trình độ cao đẳng, ngành Giáo dục Mầm non.

Bản mô tả Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non trình bày tóm tắt những kiến thức và kỹ năng cơ bản để đào tạo ngành Giáo dục Mầm non với thời lượng 3 năm.

Nhà trường sẽ thường xuyên điều chỉnh, bổ sung Chương trình cho phù hợp với điều kiện, mục tiêu đào tạo.

Khi thực hiện Chương trình cần chú ý đến một số vấn đề như sau:

14.1. Đối với khoa Sư phạm và các Bộ môn

- Phải nghiên cứu kỹ chương trình đào tạo để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình;

- Trên cơ sở chương trình đào tạo, bộ môn phân công cán bộ giảng dạy biên soạn đề cương chi tiết học phần, tiến tới biên soạn bài giảng, giáo trình học phần. Bộ môn phải theo sát nội dung chương trình để thực hiện các học phần theo trình tự đã được nhà trường thông qua.

- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp đề cương chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy;

- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên;

- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình;

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

14.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp;

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp;

- Chú trọng các phương pháp tổ chức dạy học phát huy tính tích cực của sinh viên.

14.3. Kiểm tra, đánh giá

- Giảng viên và cố vấn học tập phải kiểm soát được suốt quá trình học tập của sinh viên, kể cả ở trên lớp và ở nhà;

- Việc kiểm tra, đánh giá học phần là một công cụ quan trọng cần phải được tổ chức thường xuyên để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nên giảng viên phải thực hiện theo đúng theo quy chế của học chế tín chỉ;

- Giảng viên phải kiên quyết ngăn chặn và chống gian lận trong tổ chức thi cử, kiểm tra và đánh giá.

14.4. Đối với sinh viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập và giảng viên để lựa chọn

phương pháp học tập phù hợp;

- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng;

- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên;

- Tự giác trong hoạt động tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi seminar;

- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu;

- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá./.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Trí Khải